

MỤC LỤC

Lời mở đầu

<i>1 Lý do chọn đề tài</i>	01
<i>2 Mục tiêu nghiên cứu</i>	02
<i>3 Phạm vi nghiên cứu</i>	02
<i>4 Phương pháp nghiên cứu</i>	02
<i>5 Kết cấu của khóa luận</i>	02

Chương I: Vai trò của làng nghề truyền thống trong hoạt động du lịch

<i>1.1 Một số khái niệm và đặc điểm làng nghề truyền thống.</i>	03
<i>1.1.1 Khái niệm du lịch</i>	03
<i>1.1.2 Khái niệm khách du lịch</i>	04
<i>1.1.3 Khái niệm về tài nguyên du lịch</i>	05
<i>1.1.4 Khái niệm về làng nghề truyền thống</i>	06
<i>1.1.5 Đặc điểm của làng nghề truyền thống</i>	07
<i>1.2 Vai trò của làng nghề truyền thống</i>	10
<i>1.2.1 Vai trò của làng nghề truyền thống trong sự phát triển kinh tế xã hội</i>	10
<i>1.1.2 Vai trò của làng nghề truyền thống Hải Phòng đối với hoạt động du lịch nói chung.</i>	10
.....	10

Chương II: Thực trạng phát triển của làng nghề truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch.

<i>2.1 Khái quát về thành phố Hải Phòng</i>	14
<i>2.1.1 Vị trí địa lý và điều kiện kinh tế xã hội</i>	14
<i>2.1.2 Tài nguyên du lịch Hải Phòng</i>	16
<i>2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên</i>	16
<i>2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn</i>	17
<i>2.1.3 Tình hình phát triển du lịch Hải Phòng</i>	24

2.2 Hệ thống các làng nghề truyền thống ở Hải Phòng.....	27
2.3 Một số làng nghề truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng	30
2.3.1 Làng nghề Bảo Hà ở xã Đồng Minh huyện Vĩnh Bảo	30
2.3.2 Làng nghề làm con giống ở Nhân Hòa - Vĩnh Bảo	34
2.3.3 Làng cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên	36
2.3.4 Làng đúc ở Mỹ Đông Huyện Thủy Nguyên.....	38
2.4 Thực trạng khai thác các làng nghề truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch.	39
2.4.1 Tình hình phát triển các làng nghề truyền thống ở Hải Phòng.....	39
2.4.2 Hiện trạng khai thác các làng nghề truyền thống của Hải Phòng cho hoạt động du lịch.....	43
<u>Chương III</u> : Một số giải pháp để khai thác làng nghề truyền thống cho phát triển du lịch.	
3.1 Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng đến năm 2020	53
3.2 Một số giải pháp nhằm khai thác làng nghề truyền thống cho hoạt động du lịch của Hải Phòng.	55
3.2.1 Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống Hải Phòng.....	55
3.2.2 Tăng cường sự hợp tác giữa các đơn vị kinh doanh lữ hành với các làng nghề truyền thống	56
3.2.3 Đẩy mạnh quảng bá xúc tiến đối với các làng nghề truyền thống	56
3.2.4 Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống trong hoạt động du lịch	57
3.3 Kiến nghị.....	59
3.3.1 Đối với bộ văn hóa thể thao và du lịch.....	59
3.3.2 Đối với thành phố Hải Phòng.....	59
3.3.3 Đối với địa phương.....	60
KẾT LUẬN	61
TÀI LIỆU THAM KHẢO	62

Lời mở đầu:

1 Lý do chọn đề tài.

Thành phố Hải Phòng hôm nay đang trên con đường hội nhập phát triển với những khách sạn và khu nghỉ mát cao cấp được đầu tư xây dựng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của đô thị, vẫn còn những làng nghề thủ công truyền thống như: Làng tạc tượng Bảo Hà và làng làm con giống Nhân Hòa huyện Vĩnh Bảo, làng đúc Mỹ Đồng, gốm Minh Tân, Mây tre đan Chính Mỹ của huyện Thủy Nguyên.... ở những vùng ven đô, tạo lên một dấu ấn riêng cho vùng đất này.

Trải qua thời gian, những giá trị về mặt vật chất và tinh thần từ các sản phẩm của làng nghề thủ công thành phố cảng mang lại là điều không thể phủ nhận. Làng nghề Hải Phòng đã và đang được các doanh nghiệp lữ hành đưa vào khai thác và dần trở thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn.

Tuy nhiên không phải hầu hết các nghề thủ công truyền thống của Hải Phòng đều có những cơ hội thuận lợi như vậy, các làng nghề cũng đứng trước nguy cơ như các làng nghề thủ công khác trên cả nước: đang bị mai một dần.

Do sự đơn điệu, thiếu tính sáng tạo về mẫu mã dẫn đến khó khăn cho đầu ra sản phẩm. Đồng thời các làng nghề truyền thống Hải Phòng chưa khai thác có hiệu quả cho hoạt động du lịch. Đây là một thực trạng chung của các làng nghề thủ công truyền thống trên địa bàn Hải Phòng.

Chính vì vậy việc nghiên cứu và xem xét các làng nghề truyền thống cho sự phát triển du lịch là cần thiết. Đề tài thực sự là một cơ hội cho sinh viên nghiên cứu, tìm hiểu, đi sâu vào thực tế, hòa nhập vào đời sống cộng đồng. Để từ đó giúp cho bản thân có cái nhìn toàn cảnh và chính xác nhất về sự phát triển của mỗi làng nghề truyền thống đối với hoạt động du lịch ngày nay.

2 Mục đích nghiên cứu.

Mục đích nghiên cứu của khóa luận là:

Phân tích và nghiên cứu thực trạng khai thác và phát triển của làng nghề truyền thống trên địa bàn Hải Phòng. Từ đó đưa ra một số giải pháp để các làng nghề truyền thống Hải Phòng trở thành những điểm du lịch hấp dẫn mới đối với du khách.

3 Phạm vi nghiên cứu

- Tập trung nghiên cứu các vấn đề liên quan đến làng nghề truyền thống Hải Phòng với việc phát triển du lịch.

- Nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề của làng nghề truyền thống trong khoảng thời gian 2005 - 2009.

4 Phương pháp nghiên cứu.

Để hoàn thành đề tài này, người viết vận dụng phương pháp nghiên cứu, trong đó có một số phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin.
- Phương pháp nghiên cứu thực địa.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp.
- Phương pháp điều tra xã hội học.

5 Kết cấu của khóa luận.

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung gồm 3 chương:

Chương I: Vai trò của làng nghề truyền thống trong hoạt động du lịch.

Chương II: Thực trạng phát triển của làng nghề truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch.

Chương III: Một số giải pháp để khai thác làng nghề truyền thống cho phát triển du lịch.

Chương I:

Vai trò của làng nghề truyền thống trong hoạt động du lịch.

1.1 Một số khái niệm và đặc điểm làng nghề truyền thống

1.1.1 Khái niệm du lịch

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại du lịch đã được ghi nhận là một sở thích, một hoạt động tích cực nghỉ ngơi của con người. Ngày nay trên phạm vi toàn thế giới du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa – xã hội của nhiều nước, hoạt động du lịch đang phát triển mạnh mẽ và trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới.

Ngày nay thuật ngữ "Du Lịch " đã trở nên rất thông dụng, nó được bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp , có nghĩa là đi một vòng, trong tiếng việt thuật ngữ này được dịch thông qua tiếng Hán: "Du "có nghĩa là đi chơi," Lịch": có nghĩa là từng trải. Tuy nhiên người Trung Quốc gọi du lịch là du lãm với nghĩa là đi chơi để nâng cao nhận thức

Du lịch là một hoạt động kinh tế mang tính xã hội cao thu hút hàng tỷ người trên thế giới, bản chất kinh tế của du lịch là ở chỗ sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất tinh thần cho khách. Bên cạnh đó du lịch còn góp phần vào việc chuyển đổi cơ cấu các ngành kinh tế như: giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng... theo hướng tăng tỷ trọng của khối dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân.

Hoạt động du lịch thường gắn liền với đi chơi, giải trí nhằm phục hồi nâng cao sức khỏe và khả năng lao động của con người, nhưng các chuyến đi du lịch không chỉ dừng lại ở việc nghỉ ngơi, giải trí mà còn thỏa mãn rất lớn nhu cầu về tinh thần. Bởi mỗi vùng, mỗi quốc gia lại cho những đặc trưng riêng về

tự nhiên, lịch sử, văn hóa truyền thống, nhưng trước hết hoạt động du lịch liên quan mật thiết đến việc di chuyển chỗ tạm thời của khách du lịch. Trong lịch sử xã hội loài người có rất nhiều hoạt động, nhiều chuyến đi mà người ta còn gọi là các hoạt động sơ khai như các cuộc hành hương tôn giáo, các cuộc thám hiểm Christopher, Colombo, Termand Majillan....

Cho đến nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về du lịch, do hoàn cảnh (thời gian, khu vực) dưới góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người lại có cách hiểu khác nhau về du lịch.

Năm 1963, tại hội nghị Liên Hiệp Quốc về du lịch ở RoMa các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch: " Du lịch là tổng hợp các mối liên hệ hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi đến lưu trú không phải là nơi ở thường xuyên của họ"

Theo quan điểm của tổ chức du lịch thế giới (WTO – 1999): " Du lịch là một tập hợp các hoạt động và các dịch vụ đa dạng liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi cư trú thường xuyên của họ nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi văn hóa, nghỉ dưỡng và nhìn chung là nhiều lý do không phải kiếm sống".

Luật Du lịch của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 01 tháng 01 năm 2006, tại chương 1, điều 10 định nghĩa: " Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong thời gian nhất định "

1.1.2 Khái niệm khách du lịch.

Có nhiều khái niệm về khách du lịch. Tuy nhiên do hoàn cảnh thực tế mỗi nước, theo quan điểm khác nhau của các tác giả nên các khái niệm đưa ra không hoàn toàn như nhau. Nhưng hầu như tất cả các khái niệm, khách du lịch đều

được coi là người đi khỏi nơi cư trú thường xuyên của mình. Ở nước ta theo luật du lịch Việt Nam thì khách du lịch được định nghĩa như sau:

" Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập từ nơi đến".

Cũng theo luật du lịch Việt Nam 2006 về khách du lịch: Bao gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế được hiểu như sau:

" Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đi du lịch trong lãnh thổ Việt Nam".

" Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch, công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam ra nước ngoài đi du lịch".

1.1.3 Khái niệm về tài nguyên du lịch.

* Tài nguyên du lịch.

Theo Luật Du lịch(2006): " Tài nguyên du lịch là cảnh quan tự nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch."

* Tài nguyên du lịch nhân văn

Theo luật du lịch Việt Nam, tại điều 13 đưa ra: “ Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm truyền thống, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, các công trình lao động nghệ thuật sáng tạo của con người và các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể khác có thể sử dụng phục vụ cho mục đích du lịch”.

Tài nguyên du lịch nhân văn bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Theo Luật di sản văn hóa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng

01 năm 2002 tại điều 4 giải thích từ ngữ:

Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật cổ vật, bảo vật quốc gia.

Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác.

Di tích lịch sử văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học.

* Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Theo Luật Du Lịch Việt Nam: “Tài nguyên du lịch tự nhiên là hiện tượng trong môi trường tự nhiên được phục vụ cho mục đích du lịch”.

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm:

Các thành phần tự nhiên: địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật...

Các cảnh quan tự nhiên.

Các di sản thiên nhiên thế giới

1.1.4 Khái niệm về làng nghề truyền thống

Theo tiến sỹ Phạm Côn Sơn trong cuốn “ Làng nghề truyền thống Việt Nam” làng nghề được định nghĩa như sau" Làng là một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là một đơn vị quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, có kỷ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là một

làng sống chuyên nghề mà cũng hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần để phát triển công ăn việc làm. Cơ sở vững chắc của các làng nghề là sự vừa làm ăn tập thể vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và cá biệt của địa phương".

Xem xét định nghĩa ở dưới góc độ kinh tế theo Dương Bá Phượng trong: "Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa" thì "làng nghề là làng ở nông thôn có một hoặc một số nghề thủ công tách ra khỏi thủ công nghiệp và kinh doanh độc lập". Thu nhập từ các nghề đó chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị của toàn làng"

Làng nghề theo cách phân loại về thời gian gồm có: Làng nghề truyền thống và làng nghề mới. Khóa luận đi sâu vào tìm hiểu làng nghề truyền thống (Hải Phòng) vì có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển du lịch hiện nay.

Theo tiến sỹ Phạm Côn Sơn trong cuốn "Làng nghề truyền thống Việt Nam" thì làng nghề được định nghĩa như sau:

Làng nghề truyền thống là làng nghề cổ truyền làm nghề thủ công truyền thống. Ở đây không nhất thiết dân làng đều sản xuất thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng là nông dân. Nhưng yêu cầu chuyên môn hóa cao đã tạo ra những người thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại làng quê của mình.

1.3.5 Đặc điểm của làng nghề truyền thống.

- Làng nghề truyền thống tồn tại ở nông thôn, gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp:

Các làng nghề xuất hiện và tồn tại trong từng làng xã ở nông thôn. Các ngành nghề thủ công nghiệp tách dần khỏi nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp và sản xuất kinh doanh thủ công nghiệp trong các làng nghề đan xen nhau. Người thợ thủ công trước hết và đồng thời là người nông dân. Các gia đình nông

dân trước hết vừa làm ruộng vừa làm thủ công nghiệp. Sự ra đời của các làng nghề đầu tiên là do nhu cầu giải quyết lao động phụ, lao động dư thừa lúc nhàn rỗi giữa các mùa vụ và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của từng gia đình và của từng làng xã. Trong các làng nghề, người nông dân thường tự sản xuất, tự sửa chữa đáp ứng nhu cầu ít ỏi hàng tiêu dùng thường ngày của chính mình.

- Công nghệ, kỹ thuật sản xuất mang tính truyền thống:

Nghĩa là có bước tiếp nối, truyền tải, kết tinh giá trị từ thế hệ này sang thế hệ khác. Chất lượng sản phẩm của làng nghề không phụ thuộc vào công cụ sản xuất hiện đại, có năng suất cao, theo dây chuyền mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, bí quyết, tài hoa của người thợ chế tác đồ thủ công.

- Đại bộ phận nguyên liệu của làng nghề truyền thống là tại chỗ:

Hầu hết các làng nghề truyền thống được hình thành xuất phát từ các nguồn nguyên liệu tại chỗ, trên địa bàn địa phương, đặc biệt các nghề truyền thống sản xuất những sản phẩm tiêu dùng như: đan lát mây, tre (mũ, rổ, rá, sọt, cọt...) sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu thường có tại chỗ, trên địa bàn địa phương.

Một số ngành nghề còn dùng cả những phế phẩm, phế thải trong công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt để làm nguyên liệu sản xuất, nên chúng lại càng có sẵn trên địa bàn.

- Phân công lao động trong các làng nghề truyền thống là lao động thủ công:

Nhờ vào kỹ thuật khéo léo, tinh xảo của đôi bàn tay, đầu óc tâm mỹ và đầy tính sáng tạo của người thợ, của các nghệ nhân, phương pháp dạy nghề chủ yếu lao động nhờ vào kỹ thuật khéo léo, tinh xảo. Trước kia, do trình độ kỹ thuật và công nghệ chưa phát triển thì hầu hết các công đoạn trong quy trình sản xuất đều là lao động thủ công đơn giản. Tuy nhiên, một số loại sản phẩm còn có một

số công đoạn quy trình sản xuất vẫn phải duy trì kỹ thuật lao động thủ công tinh xảo. Hầu hết các làng nghề truyền thống dù hình thành bằng con đường nào đi nữa thì chúng đều có các nghệ nhân làm cốt lõi và là người hướng dẫn để phát triển làng nghề. Vai trò của các nghệ nhân là rất quan trọng đối với các làng nghề, truyền nghề, đem bí quyết nghề nghiệp ở nơi khác về truyền cho làng mình.

- Sản phẩm của làng nghề truyền thống mang tính đơn chiếc, có tính mỹ thuật cao, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, địa phương, vùng miền:

Mỗi sản phẩm làng nghề gắn với một làng nghề cụ thể, do đó mang đậm nét độc đáo của địa phương. Sự khéo léo của đôi bàn tay cùng với óc thẩm mỹ của người nghệ nhân đã tạo ra sản phẩm thủ công độc đáo. Vì vậy mỗi một sản phẩm làm ra không chỉ chứa đựng trong đó biết bao công sức, sự tài hoa của người nghệ nhân mà còn mang trong mình nó những nét bản sắc đặc trưng không thể thay thế của địa phương.

- Hình thức tổ chức sản xuất trong các làng nghề truyền thống chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, một số đã có sự phát triển thành tổ chức hợp tác và doanh nghiệp tư nhân:

Trong quá khứ cũng như hiện nay, hình thức tổ chức kinh doanh phổ biến trong các làng nghề là hộ gia đình. Với hình thức này, hầu như tất cả các thành viên trong hộ đều được huy động vào làm những công việc khác nhau của quá trình sản xuất kinh doanh. Người chủ gia đình đồng thời là người thợ cả, mà trong số họ có không ít những nghệ nhân, tùy theo nhu cầu công việc, hộ gia đình có thể thuê mướn thêm người lao động thường xuyên hoặc lao động thời vụ. Tổ chức kinh doanh theo hộ gia đình đảm bảo được sự gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm, huy động được mọi lực lượng có khả năng lao động tham gia sản xuất kinh doanh, tận dụng được thời gian và nhu cầu đầu tư thấp (sử dụng ngay nhà ở làm nơi sản xuất). Đây là hình thức tổ chức thích hợp với quy mô

nhỏ. Tuy nhiên, mô hình này hạn chế rất nhiều đến khả năng phát triển kinh doanh. Sản xuất theo mô hình nhỏ khó có thể nhận được các hợp đồng đặt hàng lớn, không mạnh dạn cải tiến sản phẩm, không đủ tầm nhìn để định hướng phát triển hoặc đề ra những chiến lược kinh doanh cho sản phẩm của mình

1.2 Vai trò của làng nghề truyền thống.

1.2.1 Vai trò của làng nghề truyền thống trong sự phát triển kinh tế xã hội.

Phát triển làng nghề truyền thống góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành nghề phi nông nghiệp trong tỷ trọng kinh tế nông thôn. Tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động. Tăng thu nhập cho người lao động trong làng nghề có thu nhập bằng 2,1 - 2,3 lần lao động nông nghiệp thuần nông.

Góp phần hạn chế di dân tự do ra thành thị, giảm tệ nạn xã hội do không có việc làm gây ra. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhân đôi trong dân, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội.

Ngoài ra việc phát triển làng nghề truyền thống còn góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc được hun đúc trong từng sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

1.2.2 Vai trò làng nghề truyền thống Hải Phòng đối với hoạt động du lịch.

Giữa hoạt động du lịch và làng nghề có mối quan hệ chặt chẽ hữu cơ tác động qua lại lẫn nhau. Phát triển du lịch tại các làng nghề truyền thống là một giải pháp hữu hiệu để phát triển kinh tế xã hội làng nghề truyền thống nói chung theo hướng tích cực và bền vững. Ngược lại làng nghề truyền thống cũng là trung tâm thu hút khách du lịch và có tác động mạnh mẽ trở lại khách du lịch trong mục tiêu phát triển chung.

Làng nghề truyền thống là một không gian văn hóa – kinh tế - xã hội lâu đời, nó bảo lưu tinh hoa văn hóa từ đời này sang đời khác đúc kết bởi nghệ nhân

tài hoa. Môi trường văn hóa làng quê với cây đa bến nước sân đình, các hoạt động lễ hội và phường hội, phong tục tập quán nếp sống đậm nét văn hoá truyền thống. Tất cả những điều đó luôn luôn gắn kết với sự hình thành và phát triển của làng nghề truyền thống. Và tạo ra nét văn hóa rất riêng của mỗi làng nghề truyền thống.

Phong cảnh làng nghề cùng với những giá trị chứa đựng bên trong làng nghề truyền thống sẽ là điểm du lịch lý tưởng cho du khách, đặc biệt là khách quốc tế đến tham quan, tìm hiểu, mua sắm tại các làng nghề.

Làng nghề truyền thống còn là nơi sản xuất ra những hàng thủ công mỹ nghệ có giá trị nghệ thuật cao, tiêu biểu độc đáo cho mỗi vùng miền, địa phương. Vì vậy du khách đến với các điểm du lịch làng nghề truyền thống còn mong muốn chiêm ngưỡng, mua sắm các sản phẩm thủ công làm vật kỷ niệm trong chuyến đi của mình. Thực tế nhu cầu mua sắm của du khách là rất lớn, làng nghề truyền thống sẽ đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu tinh tế và đa dạng của du khách.

Nước ta có hàng nghìn, hàng vạn làng nghề thủ công truyền thống thuộc các nhóm ngành nghề như mây tre, sơn mài, gốm sứ, thêu ren, đúc đồng,... Với sự đa dạng các làng nghề đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn các giá trị truyền thống văn hóa, đồng thời là cơ sở để phát triển ngành du lịch vốn thừa hưởng những thế mạnh về văn hóa.

Những địa phương có nhiều làng nghề truyền thống phải kể đến Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng... Miền Bắc có những làng nghề nổi tiếng như: Lụa Vạn Phúc, Đồ gỗ Đồng Kỵ, Tranh Đông Hồ, gốm Bát Tràng, gốm Chu Đậu... Miền trung có làng nghề điêu khắc Mỹ Xuyên, đá Non Nước... Miền nam và các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long có kẹo dừa Bến Tre, nem Lai Vỹ, lụa Tân Châu. Chừng đó cái tên cũng đủ để nói lên sự đa dạng phong phú đầy tiềm năng để phát triển du lịch làng nghề.

Vùng đất Hải Phòng như nhiều miền quê khác trong cả nước, trải qua nhiều thế hệ dựng nước và giữ nước, thông qua quá trình lao động sản xuất phục vụ cho đời sống hàng ngày của người dân, làm nảy sinh nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm thủ công. Làng nghề ra đời nhằm đáp ứng những nhu cầu trước đó của con người .

Các sản phẩm thủ công truyền thống của mỗi làng nghề luôn tạo ra sự hấp dẫn đối với du khách khi họ tới thăm mỗi làng nghề truyền thống của Hải Phòng. Đến với làng nghề, du khách có thể cảm nhận một cách thực thụ về các sản phẩm truyền thống. Có thể tận mắt chứng kiến quá trình tạo ra mỗi sản phẩm. Từ đó du khách sẽ tìm thấy cảm giác thích thú, thích khám phá sự mới mẻ và có thể trực tiếp trải nghiệm, tham gia vào hoạt động sản xuất cùng với mỗi người dân, người thợ thủ công. Và có thể mua về những sản phẩm đặc trưng làm quà tặng cho mỗi người thân trong gia đình. Chính vì vậy, du lịch thăm quan làng nghề truyền thống là một trong những loại hình du lịch mới đang được đưa vào khai thác cho các tour du lịch. Bởi vậy làng nghề truyền thống có một ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động du lịch của Hải Phòng.

Du lịch làng nghề truyền thống đã góp phần phát triển loại hình du lịch “Du khảo đồng quê”. Đây là một loại hình du lịch có thể giúp cho du khách có được sự khám phá mới mẻ, sự trải nghiệm và sự gần gũi với thiên nhiên hoang sơ. Đặc biệt trong loại hình du lịch “ du khảo đồng quê” thì làng nghề truyền thống cũng góp phần quan trọng trong việc giúp cho du khách trải nghiệm, tham gia vào hoạt động sản xuất. Mỗi làng nghề truyền thống đều chứa đựng trong đó những yếu tố văn hoá của mỗi làng nghề. Và chỉ khi tham gia vào những tour du lịch như vậy thì du khách mới có thể cảm nhận được những yếu tố văn hoá của mỗi vùng miền .

Làng nghề truyền thống Hải Phòng còn góp phần làm tăng doanh thu

không chỉ cho nhân dân mỗi làng nghề thông qua tiêu thụ sản phẩm mà nó còn góp phần làm tăng doanh thu cho ngành du lịch Hải Phòng khi mà khách du lịch mua tour, tham gia vào hoạt động du lịch tại các làng nghề truyền thống

Phát triển làng nghề truyền thống không chỉ mang lại lợi ích kinh tế góp phần phát triển hoạt động du lịch mà còn là cơ hội để quảng bá hình ảnh con người và đất nước Việt Nam trong đó có Hải Phòng.

Chương II:

Thực trạng phát triển của làng nghề truyền thống ở Hải Phòng cho hoạt động du lịch.

2.1 Khái quát về thành phố Hải Phòng.

2.1.1 Vị trí địa lý và điều kiện kinh tế - xã hội.

** Vị trí địa lý:*

Hải Phòng là một trong 5 thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam, nằm phía Đông miền duyên hải Bắc Bộ, cách Hà Nội 102 km. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh. Phía Tây giáp tỉnh Hải Dương. Phía Nam giáp tỉnh Thái Bình. Phía Đông giáp biển.

Địa hình Hải Phòng thay đổi rất đa dạng phản ánh một quá trình lịch sử địa chất lâu dài và phức tạp. Đồi núi chiếm 15% diện tích, phân bố chủ yếu ở phía Bắc, khu vực có dáng dấp của một vùng trung du với những đồng bằng xen kẽ đồi núi. Phía Nam thành phố lại có địa hình thấp và khá bằng phẳng, có độ cao từ 0,7-1,7 m so với mực nước biển.

Vùng biển phía Đông thành phố có quần đảo Cát Bà với khoảng 360 hòn đảo lớn nhỏ khác nhau. Trong đó, lớn nhất là đảo Cát Bà, nơi được ví như đảo ngọc của Hải Phòng, là một địa chỉ du lịch cực kỳ hấp dẫn. Đảo Cát Bà ở độ cao 200m trên biển, có diện tích khoảng 100 km², cách thành phố 30 hải lý. Cách Cát Bà hơn 90 km về phía Đông Nam là đảo Bạch Long Vĩ, khá bằng phẳng và nhiều cát trắng.

** Điều kiện kinh tế - xã hội.*

Hải Phòng hiện là thành phố lớn thứ 2 ở miền Bắc, chỉ sau Hà Nội, là trọng điểm phát triển kinh tế, văn hoá khoa học công nghệ ở các tỉnh phía Bắc, là nơi thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư của nước ngoài và khách du lịch trong

nước cũng như khách du lịch quốc tế.

Hải Phòng là thành phố công nghiệp, với hơn 200 doanh nghiệp quốc doanh, 1.500 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 100 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, 200 chi nhánh và văn phòng đại diện của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hiện đang làm việc tại đây. Hải Phòng là một trong những thành phố có quy mô công nghiệp lớn nhất cả nước. Tỷ trọng GDP công nghiệp trong tổng GDP toàn thành phố tăng từ 26,3% năm 1995 lên 34,1 % năm 2000. và năm 2005 đạt tới 36,6 %. Những sản phẩm công nghiệp chính của Hải Phòng là: vật liệu xây dựng, chế tạo máy và luyện kim, đóng tàu, sửa chữa tàu, kim loại màu, giày dép, quần áo, sản phẩm hoá học, các sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Ngoài ra Hải Phòng không chỉ là thành phố công nghiệp mà còn là thành phố cảng biển quan trọng bậc nhất của nước ta. Cảng Hải Phòng là một trong những cảng biển lớn Việt Nam, kéo dài hơn 12 km gồm những cảng hàng rời, cảng côngtenơ, cảng hàng nặng, sản lượng xếp dỡ đạt hơn 10 triệu tấn/năm và dự kiến sẽ nâng lên từ 20-30 triệu tấn vào năm 2010.

Hải Phòng ở vị trí thuận lợi, và đặc biệt quan trọng là cửa ngõ giao thương của miền Bắc Việt Nam, là một trong ba đỉnh của tam giác kinh tế trọng điểm (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh). Hệ thống đường thủy cùng với mạng lưới đường bộ, đường sắt, cảng biển và hàng không đã tạo cho Hải Phòng nhiều điều kiện thuận lợi trong lưu thông phát triển kinh tế. Hệ thống cảng Hải Phòng được mở rộng, sân bay Cát Bi được cải tạo và nâng cấp đã tạo cho Hải Phòng nhiều điều kiện thuận lợi để chuyển tải hàng hoá xuất, nhập khẩu cho tỉnh vùng Bắc Bộ, các tỉnh Tây Nam Trung Quốc, đồng thời có khả năng thiết lập mối quan hệ hàng hải và hàng không với các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Với những thuận lợi về vị trí địa lý, kinh tế xã hội . Điều đó đã tạo ra

những thuận lợi cho du lịch Hải Phòng phát triển. Hải Phòng thực sự là một trung tâm thương mại, du lịch, một thành phố công nghiệp từ hàng trăm năm nay. Một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống đường giao thông thủy bộ, sắt, hàng không. Rất thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế - văn hoá - du lịch với hầu hết các tỉnh thành của Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

2.1.2 Tài nguyên du lịch Hải Phòng

Thiên nhiên đã ưu đãi cho Hải Phòng một nguồn tài nguyên du lịch thiên nhiên vô cùng phong phú: Đồ Sơn, Cát Bà, Núi Voi, sông Bạch Đằng, thắng cảnh Tràng kênh. Và với truyền thống lịch sử - văn hoá của thành phố cũng đã tạo cho Hải Phòng một tài nguyên du lịch nhân văn vô cùng hấp dẫn.

2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Khu du lịch Đồ Sơn

Thị xã Đồ Sơn cách trung tâm thành phố Hải Phòng 22km về phía đông nam, nằm giữa hai cửa sông Lạch Tray và sông Văn Úc. Đây là một bán đảo với đồi núi, rừng cây nối tiếp nhau vươn ra biển đến 5km, giống như cái đầu rồng hướng ra viên ngọc Hòn Dấu.

Biển Đồ Sơn được chia làm ba khu, mỗi khu đều có bãi tắm, đồi núi, rừng thông yên tĩnh. Ở khu 2 có tòa biệt thự từng là nơi nghỉ mát của vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của triều Nguyễn. Khu 3 có công trình kiến trúc nhỏ đáng đáp mô phỏng như ngôi chùa nên từ lâu thành tên gọi là Pagodo. Đặc biệt cuối bán đảo là đồi đất cao trên đó có khách sạn Vạn Hoa, hiện là Casino (sòng bạc). Đây là công trình kiến trúc kiểu gô tích đẹp nhất ở Đồ Sơn. Từ casino có 100 bậc đá dẫn xuống biển.

Cát Bà - khu dự trữ sinh quyển thế giới

Cát Bà là một quần đảo có 366 đảo lớn nhỏ, đảo chính là Cát Bà diện tích hơn 200 km. năm 2004 Cát Bà được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh

quyền thế giới.

Vườn quốc gia Cát Bà nằm trên đảo Cát Bà, có diện tích được quy hoạch bảo vệ là 15.200 ha. Địa hình rất đa dạng, chủ yếu là núi đá vôi. Nhiều hang động kỳ thú và xen kẽ là những bãi cát trắng phau, mịn màng như bãi Cát Cò 1, Cát Cò 2, Cát Cò 3, Cát Dứa. Các núi đá vôi có độ cao trung bình là 150m. Cao nhất là đỉnh Cao Vọng 322m so với mặt biển.

Tại vườn quốc gia Cát Bà, hệ động vật có 32 loài thú, 69 loài chim, 20 loài bò sát và lưỡng cư. Đặc biệt là loài voọc đầu trắng tìm thấy ở các vách núi đá cheo leo ven biển Cát Bà. Đây là loài thú quý đã được ghi vào danh sách cần bảo vệ, trên thế giới hầu như không còn loài này. Loài voọc đầu trắng đang được bảo vệ nghiêm ngặt và trở thành biểu tượng của vườn quốc gia Cát Bà. Tại đây còn có khỉ vàng, sơn dương và nhiều loài chim đẹp như cao cát, bói cá, hút mật, đầu riu...

Vườn quốc gia Cát Bà còn có những cánh rừng nguyên sinh nhiệt đới lớn. Theo điều tra bước đầu, ở đây có 620 loài thực vật bao gồm có 438 chi và 123 họ, trong đó có 350 loài thuốc. Nhiều cây quý cần được bảo vệ như chò đôi, trai lý, lát hoa, khim giao, cọ Bắc Sơn...

Không chỉ có vườn Cát Bà và bãi biển Đồ Sơn, Hải Phòng còn có các danh nam thắng cảnh khác như: sông Bạch Đằng, thắng cảnh Tràng Kênh, Núi Voi. Tất cả những danh thắng đó đã không ngừng tô đẹp cho thành phố cảng Hải Phòng mà còn góp phần phát triển cho hoạt động du lịch. Những danh thắng đó đã không ngừng thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với thành phố Hải Phòng.

2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

Di tích lịch sử

Chùa Dư Hàng (Phúc Lâm Tự):

Chùa thuộc phường Hồ Nam, quận Lê Chân, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 2 km về phía tây nam. Chùa được xây dựng vào đời Tiền Lê(980 - 1009). Vua Trần Nhân Tông (1258-1308) vị vua mộ đạo phật đã từng đến giảng đạo tại Phúc Lâm Tự. Chùa được trùng tu nhiều lần và được xếp hạng là một di tích lịch sử. Chùa còn lưu giữ nhiều hiện vật quý: tượng Phật, đỉnh đồng, chuông, khánh. Đặc biệt là bộ sách kinh Trạng A Hàm là tài liệu cổ về giáo lý đạo Phật.

Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:

Khu di tích thuộc thôn Trung Am, xã Lý Học, Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Gồm 9 hạng mục: tháp bút Kinh Thiên, đền thờ dựng sau khi cụ mất(1585) với 3 gian tiền đường, hai gian hậu cung, phía trước có hai hồ nước tượng trưng cho trời và đất, bức hoành phi trong đền ghi 4 chữ" An Nam Lý Học", nhà trưng bày thân thể và sự nghiệp của Nguyễn Bình Khiêm, phần mộ cụ thân sinh ở phía sau đền. Tượng Nguyễn Bình Khiêm bằng đá cao 5,7 m nặng 8,5 tấn, hồ bán nguyệt rộng khoảng 1000m², chùa Song Mai, nhà thờ tổ có tượng thờ bà Minh Nguyệt, vợ của Nguyễn Bình Khiêm và Quán Trung Tân, nơi lưu giữ quan niệm mới về chữ "Trung" hướng lòng theo hướng" chí trung chí thiện".

Ngày nay khu di tích được xây dựng khang trang, trở thành điểm du lịch văn hoá lớn của khu vực, là nơi tổ chức các lễ hội lớn kỷ niệm danh nhân văn hoá Nguyễn Bình Khiêm.

Đình Nhân Mục:

Đình ở làng Nhân Mục xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo. được xây dựng vào thế kỷ thứ 17. Đình đã được trùng tu nhiều lần. lần trùng tu cuối cùng là năm 1941

Đình gồm 5 gian tiền đường, dài 15m, rộng 5m. Hậu cung dài 9m, rộng 1m. Đình lợp ngói mũi hài. Ngôi đình hiện nay còn giữ được những nét kiến trúc tiêu biểu của thế kỷ 17. Đình Nhân Mục có nhiều cổ vật quý như kiệu bát cống

thế kỷ 17, bia đá cao 1,8 m, dài gồm 0,26 m là tác phẩm chạm khắc tuyệt vời vào năm 1964, bình pha trà gồm men ngọc thế kỷ 14. Hàng năm tại đây trong ngày hội có nghệ thuật múa rối nước rất độc đáo của vùng.

Đền Nghè:

Đền nằm ở trung tâm thành phố Hải Phòng, cách Nhà hát thành phố chừng 600m về phía tây - nam. Đền thờ bà Lê Chân, một nữ tướng của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thế kỷ thứ nhất(40-43), người lập ra làng An Biên, tiền thân của thành phố Hải Phòng sau này.

Lúc đầu đền là một miếu nhỏ. Năm 1919, toà hậu cung của đền được xây dựng, năm 1926 toà tiền bái được xây dựng. Đây là một di tích, kiến trúc văn hoá quý với voi đá, ngựa đá, sập đá, bia đá...

Chùa Phổ Chiếu:

Chùa được xây dựng vào năm 1953 do sư Ngô Chân Tử kiến lập và trụ trì, ở Phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân.

Lúc đầu chùa thờ tam giáo đồng nguyên. Đến năm 1954, một hoà thượng thuộc phái Lâm Tế về trụ trì và mở rộng ngôi chùa, thờ phật và đổi tên là chùa Phổ Chiếu

Chùa hiện còn lưu giữ một số di vật bằng đất nung và đá, các mảng trang trí ở tháp cổ Tường Long , những tháp đất nung cổ, 4 tầng, có 4 cạnh, cao 0,35m.

Hải Phòng là vùng đất có truyền thống văn hoá lâu đời. Trên địa bàn thành phố còn bảo tồn được rất nhiều di sản văn hóa và những lễ hội truyền thống. Những vốn quý của nền văn hóa phong phú làm giàu thêm cuộc sống tinh thần của người dân thành phố cũng như của các du khách tới đây. Một số lễ hội tiêu biểu của Hải Phòng đã và đang góp phần cho việc phát triển du lịch là:

Các lễ hội

Lễ Hội Chọi Trâu:

Đây là lễ hội độc đáo và nổi tiếng của Đồ Sơn (Hải Phòng). Lễ hội diễn ra vào ngày 9/6 âm lịch. Phần nghi lễ rất trang trọng với lễ rước thần trên kiệu rồng có tán che và lọng, phường bát âm có rất nhiều đối tượng tham gia.

Mở đầu trận đấu là màn múa cờ tung bồng. Sau hiệu lệnh, lần lượt từng cặp trâu được dẫn vào sới chọi trong số các cặp trâu được chọn vào tháng 6 âm lịch trước đó để tham dự vòng chung kết này. Theo quy định con nào bỏ chạy là thua. Trâu thắng trận vòng chung kết được rước trang tọng về đình trong tiếng reo hò, hân hoan của cộng đồng. Lệ cũng quy định, trâu thắng hay thua đều làm thịt để cúng thần và chia cho cho các gia đình cung hưởng "lộc".

Lễ hội Trạng:

Lễ hội tưởng niệm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm thường được tổ chức nhân ngày sinh (10/4) âm lịch và gày mất của cụ(28/11 âm lịch). Trong đó lễ hội kỷ niệm vào ngày mất có quy mô lớn hơn. Địa điểm lễ hội là khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm tại thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo.

Hội Đình Dư Hàng:

Lễ hội diễn ra tại đình Dư Hàng, phường Dư Hàng Kênh Quận Lê Chân vào ngày 18/ 02 âm lịch hàng năm, tưởng nhớ Ngô Quyền. Lễ Hội được tổ chức trang nghiêm với nghi lễ tế, rước.

Lễ hội xuống Biển:

Lễ hội được tổ chức tại nhiều làng chài ở huyện Cát Bà, An Dương, Kiến Thụy từ ngày mùng 4- 6 tháng giêng âm lịch hàng năm. Sau khi làm lễ tế Thủy Thần, Long Vương, một hồi chống lệnh vang lên, hàng trăm trai tráng tay cầm trèo và vật dụng đánh cá hò reo chạy tới thuyền của mình tới nơi quy định được nhanh nhất. Cuộc đánh bắt cá rất sôi nổi.

Đến khi nghe tiếng pháo lệnh thu quân, họ đưa cá đến đình làng để các bô lão chấm thi. Ai đánh bắt được cá to nhất hoặc nhiều nhất thì sẽ được trao giải.

Hội đu xuân ở Thủy Nguyên:

Hàng năm cứ vào dịp tết Nguyên Đán, nhiều nơi trong huyện Thủy Nguyên thường tổ chức vui xuân bằng cây đu quen thuộc. Từ 28 đến 29 tháng chạp âm lịch, các làng quê lại trồng từ một tới vài cây đu trên nhiều địa điểm khác nhau.

Chơi đu còn là cuộc đua tài, thử thách lòng can đảm và cố kết cộng đồng. Cuộc chơi cũng có thưởng nhưng giá trị không lớn. Chơi đu là một trò thể thao dân tộc có từ lâu, được nhiều lứa tuổi ưa thích, và cũng là dịp để trai gái thi tài tìm bạn.

Hội Đền Nghè:

Đền Nghè ở phố Lê Chân, quận Lê Chân, thờ bà Lê Chân - một nữ tướng giỏi của Hai Bà Trưng. Lễ hội hàng năm được tổ chức vào ngày 08 tháng 02 âm lịch, tưởng nhớ công tích Bà Lê Chân. Nghi lễ có rước bài vị (mũ, ấn) từ Đền Nghè về đình, cỗ tế chay hoặc cỗ mặn. Nhiều trò vui như: đấu vật, cờ tướng trong những ngày lễ hội.

Ngoài một số lễ hội trên Hải Phòng còn có lễ hội đua thuyền truyền thống trên biển(huyện Cát Hải) và hội đền An Lư. Mỗi một lễ hội của thành phố đều góp phần vào việc bảo tồn những giá trị văn hóa lịch sử, đồng thời cũng góp phần cho sự phát triển của hoạt động du lịch nói chung.

Cùng với những lễ hội đó. Các loại hình nghệ thuật cũng là một trong những nét văn hoá đặc sắc góp phần vào sự phát triển chung của ngành du lịch Hải Phòng

Các loại hình nghệ thuật

Múa rối cạn và múa rối nước:

Múa rối là một môn nghệ thuật dân gian lâu đời của Hải Phòng, tương truyền, phường múa rối cạn có tới 7 đời ở Bảo Hà, xã Đồng Minh huyện Vĩnh Bảo cách trung tâm thành phố Hải Phòng hơn 30km

Múa rối nước Nhân Hòa là một loại hình sân khấu rối kết hợp với thiên nhiên và lửa pháo. Con rối nước Nhân Hòa làm bằng gỗ sơn then, không mặc

quần áo. Nơi biểu diễn thường là hồ ao. Ngày nay người ta tạo ra bể nước để có thể múa rối nước trong rạp hát.

Các công trình kiến trúc

Nhà hát lớn thành phố:

Nhà hát lớn thành phố nằm ở khu trung tâm - quảng trường thành phố, xây dựng từ năm 1904, bản vẽ, thiết kế, nguyên vật liệu xây dựng mang từ pháp sang, do kiến trúc sư người pháp mô phỏng theo các nhà hát của pháp thời trung cổ, nhà hát lớn cao hai tầng, có hành lang, tiền sảnh, phòng gương....với một sân khấu chính với khán trường 400 ghế. Quảng trường nhà hát là nơi hội họp, tổ chức các cuộc mít ting chào mừng những sự kiện lớn của thành phố hay của dân tộc.

Quán Hoa:

Quán Hoa được xây dựng vào cuối năm 1944 dùng để bán hoa. Đây là một dãy gồm 5 quán Hoa nhỏ xinh xinh, mái cong ngói vẩy với 4 cột tròn như mang đậm nét kiến trúc phương Đông. Quán Hoa ẩn mình dưới tán lá xanh, màu đỏ của hoa phượng vĩ mang vẻ đẹp dịu dàng như chính vẻ đẹp truyền thống của Hải Phòng.

Các làng nghề truyền thống

Làng nghề tạc tượng:

Làng nghề tạc tượng Bảo Hà ở xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo. Đây là một trong những làng nghề truyền thống của Hải Phòng . Ông tổ của làng nghề này là cụ Nguyễn Công Huệ. Đã từ lâu Bảo Hà nổi tiếng với nghề tạc tượng có từ thế kỷ thứ 10. Ở đây còn lưu giữ rất nhiều tượng gỗ có giá trị nghệ thuật vô giá. Đặc biệt là bức tượng Đức Linh Lang đại vương thái tử Lý Hoàng Châu cao 1,6m. Khi mở cửa tượng đứng dậy và khi đóng cửa thì tượng ngồi xuống.

Làng Nghề mây tre đan:

Đây là một làng nghề truyền thống ở xã Chính Mỹ, theo các cụ trong làng kể lại, khi xưa đây là một vùng rừng núi, tre mọc rất nhiều. Để phục vụ cho nhà nông, người dân trong làng đã tận dụng nguồn nhiên liệu này làm ra các sản phẩm như thúng, nong, nia, theo các mẫu đan hình tròn, hình chữ nhật, xương cá. Ngày nay nghề này vẫn được duy trì.

Nghề gốm sứ:

Nghề này tập trung ở xã Minh Tân huyện Thủy Nguyên, qua các di chỉ khảo cổ Tràng Kênh, người ta đã thu lượm hàng vạn mảnh gốm với nhiều hình thức trang trí.

Ngoài những sản phẩm chủ yếu như nồi, bình, bát, ấm chén... thì người dân nơi đây còn làm cả gạch ngói phù điêu.

Ngoài các làng nghề truyền thống kể trên, ở Hải Phòng còn có nhiều làng nghề truyền thống khác như: làng cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên, làng đúc đồng ở Mỹ Đồng huyện Thủy Nguyên, làng làm con giống Nhân Hoà huyện Vĩnh Bảo....

Ấm Thực:

Đến với thành phố Hải Phòng, du khách có thể thưởng thức những món ăn ngon từ hải sản, được chế biến một cách khéo léo, mạng đậm hương vị của thành phố biển như món, sò hấp, tôm chiên, ... ngoài ra Hải Phòng còn nổi tiếng với bánh đa cua, một món ăn được rất nhiều người ưa chuộng bởi hương vị thơm ngon của từng sợi bánh cùng với nước dùng đã được chắt lọc.

2.1.3 Tình hình phát triển du lịch Hải Phòng

Qua 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 09 - NQ/ TU, Du lịch Hải Phòng đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành và các tỉnh thành phố bạn, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế và đã đạt được những kết quả khả quan, làm tiền đề để phấn đấu đến năm 2020 Hải Phòng trở thành một trung tâm

du lịch vùng duyên Hải Bắc Bộ.

Ngày 17/ 01/2008, thành phố đã phê duyệt Đề án “Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Phòng đến năm 2020”, đã công bố quy hoạch khu II - Đồ Sơn. Riêng quy hoạch cụ thể du lịch quần đảo Cát Bà, Thành phố đã đàm phán với Hàn Quốc về việc ký kết bản ghi nhớ lập quy hoạch khu du lịch Cát Bà.

Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch từ nguồn vốn ngân sách trong những năm qua là động lực thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư kinh doanh du lịch. Từ năm 2006 đến nay, có 04 đề án đầu tư du lịch thuộc nguồn vốn ngân sách, với tổng mức đầu tư lên tới 344,955 tỷ đồng, 06 dự án do nước ngoài đầu tư với tổng số vốn là 730,25 triệu USD

Ngoài ra bước đầu đã mở đường bay quốc tế 2 lượt chuyên/ ngày trở khách du lịch từ Hồng Kông/ Ma Cao đến Hải Phòng từ tháng 9/ 2006 đến 31/05/2007. Từ năm 2007, tập trung đẩy mạnh quảng bá tuyến bay sâu rộng hơn cả về hai phía Việt Nam và Trung Quốc. Đoàn khách du lịch đầu tiên đi chiều Hải Phòng - Hồng Kông/ Ma Cao đã bay vào tháng 01/2007.

Cùng với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch chỉ đạo ngành Du lịch Hải Phòng phối hợp với ngành du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh”. Tại hội thảo, ba ngành đã ký thoả thuận hợp tác phát triển du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh giai đoạn 2008 -2010.

Đến nay Hải Phòng đã có 214 cơ sở lưu trú dịch vụ du lịch với 5.933 phòng. Trong đó có 106 khách sạn được xếp hạng. Qua thẩm định lại các cơ sở lưu trú du lịch cho thấy, các khách sạn đã tích cực đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất nên giữ được hạng đã xếp, đặc biệt có những khách sạn được nâng hạng sao.

Về hoạt động lữ hành, trong 3 năm qua, du lịch Hải Phòng đón được 18 chuyến tàu khách đến bằng đường biển với 3,535 du khách; từ 01/01 -

31/05/2007 đón 314 lượt chuyến bay tuyến Hồng Kông/ Ma cao - Hải Phòng với 24.409 lượt khách. Bổ sung thêm 5 doanh nghiệp lữ hành quốc tế nâng tổng số đơn vị hoạt động lữ hành quốc tế trên địa bàn thành phố lên 13 doanh nghiệp.

Về vận chuyển. trên địa bàn thành phố hiện nay có 500 ô tô(từ 4 - 47 chỗ) phục vụ khách du lịch và 9 tàu vận chuyển khách tuyến Hải Phòng - Cát Bà - Hải Phòng, ngoài ra có 79 chiếc tàu vỏ gỗ phục vụ khách thăm quan vịnh. Trên địa bàn thành phố cũng có 28 hãng xe taxi và 3 hãng xe buýt nối trung tâm thành phố với khu du lịch Đồ Sơn.

Khách du lịch quốc tế đến tham quan Hải Phòng chủ yếu là thị trường EU(Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha), ASEAN(Thái Lan, Xingapo, Malaixia), Châu Á(Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) trong đó mục đích đi du lịch chiếm trên 80%.

Còn với lượng khách du lịch nội địa thì khách nội địa đến với thị trường Hải Phòng chủ yếu là Hà Nội, Quảng Ninh và các tỉnh Duyên Hải Bắc Bộ.

Hiện nay Hải Phòng đang đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế. Trong đó với lượng khách vào Hải Phòng (in bout) chủ yếu tập trung vào khách Châu Âu ,Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, khách du lịch tàu biển, các nước ASEAN.... Ngoài ra đối với lượng khách đi du lịch từ thành phố Hải Phòng (out bout) đến các điểm du lịch thăm quan khác thì doanh nghiệp lữ hành tập trung khai thác chủ yếu vào lượng khách nội địa.

Một số hoạt động kinh doanh du lịch Hải Phòng trong giai đoạn 2006-2009.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Tốc độ tăng bq (%)
----------	-------------	----------	----------	----------	----------	--------------------

1 Tổng lượt khách	1.000LK	2.963	3.620	3.900	4.000	10,84
Khách quốc tế	1.000	606,5	719	669	635	1,6
Khách nội địa	1.000 LK	2.356	2.901	3.231	3.365	12,66
2 Cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	198	201	212	214	2,7
Số phòng	Phòng	5.357	5.570	5.913	5.933	3.5
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	722	986	1.160	1.200	18,09

Giai đoạn 2006 -2009, tốc độ tăng bình quân chung của khách du lịch chỉ đạt 10,84% năm, trong đó khách du lịch quốc tế đạt 1,6 % năm, khách du lịch tăng bình quân trên 18,5 % năm, trong đó khách quốc tế tăng 20,5 % năm. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch trong những năm qua có xu hướng chững lại do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là du lịch quốc tế giảm mạnh.

Trong những năm gần đây, ngành du lịch Hải Phòng đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và phát triển các tài nguyên nhân văn trở thành sản phẩm du lịch văn hóa. Du lịch văn hóa trở thành một phần quan trọng của tour du lịch đến Hải Phòng. Tuy Hải Phòng có nhiều tiềm năng phát triển du lịch văn hóa nhưng việc khai thác các tiềm năng này còn nhiều hạn chế.

2.2 Hệ thống các làng nghề truyền thống Hải Phòng.

Hải phòng đã từng có trên 60 làng nghề với trên 20 loại nghề khác nhau, có những làng nghề hình thành trên 400 năm và nhiều làng nghề xuất hiện từ thế kỷ 20. Tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau, đến nay hầu hết các làng nghề truyền thống đã mai một dần, chỉ còn lại 16 làng nghề được duy trì hoạt động, thành phố đã khuyến khích phát triển thêm 14 làng nghề mới hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

Làng nghề truyền thống được phân chia theo hệ thống nhóm ngành sản xuất:

Làng nghề đan tre, chế biến cói: Đây là nghề thủ công truyền thống lâu đời, sản phẩm đa dạng phong phú từ những mặt hàng thường dùng trong đời sống và nhiều loại sản phẩm xuất khẩu, đây là nghề cần đến một lực lượng lao động lớn ở nông với nhiều độ tuổi khác nhau. Do vậy dễ phát triển tại các vùng nông thôn xa thành thị.

Làng nghề thêu ren: Những năm gần đây nghề thêu ren Hải Phòng tuy có gặp khó khăn, nhưng vẫn trụ vững và có nhiều cố gắng đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu như Pháp, Úc, Đức... Thu nhập bình quân của làng nghề thêu ren chỉ ở mức 400.000đ lao động. Nghề thêu ren chủ yếu có ở: Cao Minh, Cổ Am(Vĩnh Bảo)

Làng nghề chế biến nông sản: Sản phẩm chủ yếu là phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho tiêu dùng trong khu vực và vùng lân cận, hầu hết sử dụng nguyên liệu tại chỗ, có thể phát triển kết hợp chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa, tận dụng được lực lượng dồi dào, nhàn rỗi trong nông thôn.

Làng nghề chế biến gỗ: Cùng cố và phát triển làng nghề truyền thống Bảo Hà (Vĩnh Bảo) với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ: điêu khắc gỗ, tạc tượng, con giống, sơn mài...hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ ra nước ngoài. Mở rộng sản xuất làng nghề đóng tàu thuyền vỏ gỗ Lập

Lễ đáp ứng nhu cầu về trang bị mới và sửa chữa phương tiện cho làng nghề đánh bắt thủy sản xa bờ Lập Lễ.

Làng nghề sản xuất kim khí: Đây là làng nghề có sản phẩm cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm cùng loại từ công nghiệp thành thị, ưu điểm hiện có chỉ là giá nhân công rẻ. Do vậy phương hướng là phát triển các cơ sở sản xuất có quy mô lớn ở làng nghề đúc ở Mỹ Đồng. Từng bước khôi phục làng rèn ở Bích Động (xã Hoa Động). Hoạt động của hai làng nghề này có khoảng 850 hộ.

Làng nghề sinh vật cảnh: Sản phẩm chủ yếu là hoa, cây cảnh các loại... có nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn. Như Đằng Hải (Hải An), Đồng Dụ (An Dương). Đây là một làng nghề có tiềm năng sẽ trở thành một trong những làng nghề thu hút được đông đảo khách du lịch tới thăm quan. Với mức thu nhập bình quân là 600.000/ tháng.

Làng nghề truyền thống Hải Phòng với nhiều loại hình sản xuất khác nhau đang ngày một phát triển phục vụ cho hoạt động tham quan du lịch. Và dưới đây là danh sách hệ thống 16 làng nghề truyền thống của Hải Phòng:

Số TT	Địa phương	Tên làng nghề	Sản phẩm chính
I	Huyện An Dương		
1	Tân Tiến	Do Nha	Bún, bánh ...
2	Dư Hàng Kênh	Dư Hàng Kênh	Mây, tre đan mỹ nghệ,
3	Hồng Thái	Tiên Xa	Rổ, rá, con giống ...
II	Huyện An Lão		
4	An Thái	Tiên Cầm	Đăng, đó, rổ, rá ...

IV	Huyện Kiến Thụy		
5	Thuận Thiên	Xuân Úc, Úc Gián	Rỗ, rá, lẵng hoa ...
6	Thanh Sơn	Xuân La	Rỗ, rá, lẵng hoa ...
7	Đông Phương	Lạng Côn-Đại Trà	Bún, bánh ...
V	Huyện Thủy Nguyên.		
8	Chính Mỹ	Chính Mỹ	Rỗ, rá, lẵng hoa ...
9	Mỹ Đông	Phương Mỹ	Các sản phẩm kim loại đúc
10	Hoa Động	Bính Động	Rèn kim loại
11	Phục Lễ	Phục Lễ	Đồ gỗ dân dụng
VI	Huyện Tiên Lãng		
12	Tiên Cường	Sinh Đan	Rỗ, rá, đặng, đó ...
13	Quang Phục	Lật Dương	Chiếu, đĩa, làn cối ...
VII	Huyện Vĩnh Bảo		
14	Đông Minh	Bảo Hà	Điêu khắc, tạc tượng gỗ, sơn mài
15	Đông Minh	Thâm Động	Rỗ, rá, đặng, đó ...
16	Cổ Am	Cổ Am	Dệt vải, thảm len, ren

Căn cứ vào danh sách 16 danh mục làng nghề truyền thống trên địa bàn Hải Phòng, có thể thấy sự đa dạng về loại hình sản xuất cũng như sự tồn tại của mỗi làng nghề với thời gian. Làng nghề truyền thống Hải phòng thực sự là một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn hấp dẫn, và có thể góp phần cho hoạt động du lịch Hải Phòng phát triển. Vì vậy cần phải có sự khai thác các làng nghề này cho hoạt động du lịch.

2.3 Một số làng nghề truyền thống tiêu biểu của Hải Phòng.

2.3.1 Làng nghề Bảo Hà ở xã Đồng Minh huyện Vĩnh Bảo

Một trong những làng nghề truyền thống trên vùng đất cổ của Hải Phòng là làng nghề điêu khắc, sơn mài Bảo Hà. Được khôi phục và phát triển trong những năm gần đây, nghề điêu khắc đang hứa hẹn trở lại thời kỳ hoàng kim đầy tự hào của ông tổ Nguyễn Công Huệ, Kỳ tài hầu Tô Phú Vượng, Cục phó nam tước Hoàng Đình Úc...

Những câu chuyện cổ vẫn chảy trong mạch ngầm văn hóa Bảo Hà, truyền lại cho các thế hệ qua lời kể của bà của mẹ. Chuyện kể rằng: khoảng thế kỷ thứ XV, cậu bé Nguyễn Công Huệ ngay từ nhỏ đã có biệt tài tạo nên các con giống ngộ nghĩnh từ các vật có sẵn trong làng. Từ những gốc cây tre xù xì gai góc, cậu đẽo hình rồng phượng; hay từ củ chuối, gốc sắn, xơ mướp, gạo dứa...cậu uốn gọt thành ông Phật, ông Bụt. Tài hoa của Nguyễn Công Huệ truyền khắp chốn cùng quê. Khi giặc Minh sang đô hộ nước ta, chúng càn quét, bắt bớ người vô có, chúng đưa những thợ giỏi về Trung Hoa xa xôi xây dựng lăng tẩm, đền đài, trong đó có Nguyễn Công Huệ. Trải qua một quãng thời gian dài vất vả, sau khoảng 10 năm khổ sai trên đất khách, Nguyễn

Công Huệ trở về làng xưa. Ông truyền lại cho dân làng 4 nghề học được: nghề điêu khắc, sơn mài, dệt vải và ngải cứu (châm cứu bằng lá ngải).

Tiếp thu duy trì và phát huy những tinh hoa mà ông Tổ nghề Nguyễn

Công Huệ để lại, hậu duệ của ông cũng chẳng phụ công thầy. Dưới các vương triều phong kiến, các nghệ nhân như Tô Phú Vượng được phong danh hiệu “Hoàng tìn đại phu kỳ tài hầu”; nghệ nhân Tô Phú Luật được sắc phong “Diệu Nghệ Bá”; Hoàng Đình Úc được ban chức “Phụng thi tạc tượng cục, chuyên lưu ứng vụ, cục phó nam tước” tiếp tục làm rạng danh tên tuổi làng nghề Bảo Hà. Hiện nay truyền thuyết và các sắc phong đang được lưu giữ trong nhà thờ các dòng họ Tô, họ Hoàng để ghi nhận tài năng, tầm vóc quốc gia của những nghệ nhân Bảo Hà. Ngày nay khi nhắc đến Bảo Hà là nhắc đến những “bàn tay khắc gỗ nên vàng”, nghề điêu khắc của Bảo Hà đã trở nên nổi tiếng khắp nơi và trở thành nghề cổ truyền độc đáo trên quê hương Vĩnh Bảo – Hải Phòng.

Làng Bảo Hà, Đông Minh, huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng đã từ lâu nổi tiếng với nghề tạc tượng có từ thế kỷ thứ 10. Ở đây còn lưu giữ rất nhiều tượng điêu khắc gỗ có giá trị nghệ thuật vô giá. Đặc biệt là bức tượng đức Linh lang đại vương thái tử Lý Hoàng Châu cao 1,6m, khi mở cửa - tượng đứng dậy, khi đóng cửa - tượng ngồi xuống. Dân làng kể lại, khi tạc tượng, những mẫu còn dư lại, với bàn tay tài hoa và trí tưởng tượng phong phú, các nghệ nhân chạm khắc gỗ đã đẽo gọt, thổi hồn vào gỗ tạo thành những con rối xinh xắn để vui chơi... Có lẽ từ đó mà múa rối ra đời, cả làng chơi rối, thích rối. Rối ở Bảo Hà tồn tại được bảy đời, đặc sắc với những vở kịch hát múa theo tích xưa như Thạch Sanh - Lý Thông, Trương Viên, Đồi ngọc lưu ly... Ngoài rối cạn ở Bảo Hà, rối nước Nhân Hoà cũng là nét độc đáo của Vĩnh Bảo. Một phường rối nước ở Nhân Hoà có thâm niên từ 1921 rất nổi tiếng. Năm 1992, lần đầu xuất ngoại đi diễn ở Mỹ đã gây được tiếng vang lớn trong công chúng bởi trình độ nghệ thuật biểu diễn xuất sắc. Múa rối nước Nhân Hoà là loại hình sân khấu rối kết hợp với thiên nhiên, lửa pháo... Sân khấu truyền thống là ao cá mè thuộc khu di tích Cự Điện cạnh ngôi chùa cổ. Con rối nước được làm bằng gỗ sung nhẹ, xốp, dẻo, chắc, rối không mặc quần áo mà dùng sơn then phủ lên. Kịch mục rối nước Nhân Hoà có trên 20 trò với các tích dân gian đậm nét

văn hoá đồng bằng châu thổ như Tễu, chèo trâu thổi sáo, câu cá, chọi trâu, bắt cá, gặt lúa, chèo thuyền, hội làng... Ngoài ra còn một số kịch hát theo truyền thuyết rất phong phú.

Để có thể tạc được những bức tượng như vậy, thì cần phải có những nguyên liệu sau:

Nguyên liệu sản xuất:

Gỗ: gỗ được chọn là gỗ khô, chắc bền, không mối mọt, gỗ có vân thớ đẹp, bóng mịn, lóc mạch nhỏ, gỗ không bở xốp, ít bị nứt tách cong vênh. Tùy vào sản phẩm mà chọn gỗ phù hợp. Sản phẩm cần chắc dài, không mất màu thường là gỗ gụ, sản phẩm có vân thớ đẹp, bong mịn chọn gỗ cẩm lai. Gỗ vân xưa, sản phẩm có mùi thơm chọn gỗ pomu, gỗ bồ hòn. Nếu sáng tạo ra từng bầy nhóm chom thú, cây cảnh. Ta chọn gốc cây mít, gỗ lát, chun theo hình dáng muốn thể hiện, với điêu khắc tượng nên chọn gỗ mít. Gỗ mít có ý nghĩa tâm linh quan trọng. Mít là paramita (balamật), cây mít đồng nhất “đáo bỉ ngạn” - bờ giác ngộ - muốn đến bờ giác ngộ phải có trí tuệ, có trí tuệ mới hoàng dương đạo pháp. Tạc tượng không dùng gỗ thị, mặc dù thớ gỗ rất bền và đẹp nhưng lại hay bị nứt tách cho dù trong công đoạn bó kết đã làm cẩn thận. Với các đồ thờ, ta nên chọn gỗ vàng tâm, loại gỗ có lõi màu vàng, rất thơm và chịu nhiệt tốt. Với gỗ dùng để tạc con rối, ta chọn gỗ sung một loại gỗ rất nhẹ và bền không có các vết sâu đục.

Thổ: Đất dùng để trộn với, mùn cưa làm sơn bó. Khi bức tượng tạc xong, người thợ bắt đầu sơn. Trước kia, để có một chút đất làm sơn bó, sơn hom rất cầu kỳ và mất thời gian. Dùng đất sét là tốt nhất, nếu không ta có thể lấy đất phù sa không pha cát, không lẫn tạp chất. Lấy tay bóp cho tan, đổ nước lạnh vào ngoáy, ngoáy xong để một lúc cho lắng hết phần cát xuống đáy, phần bẩn nổi lên trên, gạn hết phần bẩn và phần cát, chỉ lấy phần cốt ở giữa. dùng vải thô gấp nhiều lần hứng phần nước. Bên dưới, người ta thường để đồ dễ thấm hút như tro

bếp, cát. Như vậy ta sẽ có một lớp đất tinh chất, mịn, dẻo. nếu không dùng hết, trước khi sử dụng ta phải ngâm nước hai ngày cho hạt đất thấm đều nước, như vậy độ thấm thấu mới cao. Ngoài ra còn có thể lấy đất thịt ở dưới đất, gạt phần bần ở bên trên. Về giã nhỏ, ray mịn, nếu hạt đất to quá trong quá trình hom không tạo được độ mịn.

Mùn cưa: Yêu cầu khô, không lẫn tạp chất, được tán mịn dùng để sơn bó, trộn với côn đê gắn những chỗ lứt to, chỗ chấp ghép.

Công cụ sản xuất

Để hoàn tất một sản phẩm, người thợ Bảo Hà phải trải qua một quy trình bao gồm nhiều công đoạn, mỗi công đoạn đòi hỏi một kỹ thuật riêng, bằng những công cụ thích hợp. Bộ dụng cụ của người thợ Bảo Hà lên tới 30 đến 40 chiếc đục. Nhưng tựu chung lại thì có mấy loại đục sau:

Đục Bạt

Đục Doãng (đục doãng thường và đục doãng to)

Đục Vụm (đục vụm thường, đục vụm trái)

Đục Tách

Đục Chéch

Chàng Tách

Quy trình chạm khắc gỗ

Bước 1: Nghiên cứu bản vẽ

Bước 2 : Chọn gỗ để chạm khắc

Bước 3 : Phá phôi gỗ

Bước 4: Vạch mẫu mặt chính diện

Bước 5 : Đục vỡ theo mẫu mặt chính diện

Bước 6 : Vạch mẫu chuẩn bên lên vuông góc với mặt chính diện

Bước 7 : Vạch mẫu mặt bên còn lại

Bước 8: Đục vỡ các mặt còn lại

Bước 9 : Đục vỡ tạo dáng

Bước 10 : Gọt

Bước 11 : Hoàn thiện dáng và cấu trúc

Kỹ thuật : Chạm khắc

Chạm khắc hoa văn, phù điêu

Hoa văn trong nghề trạm khắc gỗ là những hình trang trí khác nổi hoặc đục thủng vỡ nhất định. Phân loại mỹ thuật có: hoa văn định hướng, các nét hình khối lại theo quy luật nhất định, hoa văn phát triển, các đường nét hình khối phát triển không giống nhau.

Phù điêu là những hình trạm khắc gỗ nổi trên gỗ phẳng được cấu thành một bức tranh có chủ đề. Trên nền phù điêu chỉ có cây cảnh hoa lá, hoặc tượng người, rồng, hổ, sư tử. Đề tài trang trí thường là linh vật: rồng, phượng, hạc, lân, rùa biểu tượng tự nhiên tôn giáo, tạo hình tượng người)

Làng nghề Bảo Hà thực sự là một làng nghề truyền thống, đến với Bảo Hà du khách sẽ không chỉ cảm nhận được những giá trị tinh hoa trong mỗi tác phẩm điêu khắc của làng nghề, mà nó còn là nơi chứa đựng những yếu tố văn hóa riêng của Bảo Hà.

2.3.2 Làng nghề làm con giống ở Nhân hòa - Vĩnh Bảo

Địa phương xã Nhân Hòa thuộc huyện Vĩnh Bảo - thành phố Hải Phòng có 3 làng Cự Điện, Nhân Mục và Mai Sơn và đã được công nhận làng văn hóa từ cấp huyện đến thành phố, đến nay vẫn luôn giữ vững danh hiệu, phát huy

truyền thống lịch sử văn hóa, đặc biệt là văn hóa văn nghệ dân gian cả 3 làng có 3 quần thể di tích được nhà nước xếp hạng cấp quốc gia và cấp thành phố.

Hàng năm cứ vào dịp lễ hội truyền thống 10/03 âm lịch, nhân dân trong làng tổ chức các trò chơi nghệ thuật dân gian cổ truyền như làm con giống, làm mâm ngũ quả bằng các chất liệu có sẵn ở làng quê như rom, rạ, hoa quả, gỗ, tre, sơ dừa, sơ mướp tạo lên các hình tượng (long, ly, quy, phượng) nghệ thuật múa tứ linh, múa lân, múa rồng, múa rối cạn, rối nước, làm pháo bông thể hiện tính nghệ thuật cao và nhiều trò chơi dân gian khác.

Tương truyền làng nghề làm con giống Nhân Hòa có từ năm Nhâm Tý 1912.

Thời kỳ đó các con giống rối được làm bằng rom, rạ, giấy bồi và biểu diễn trên cạn. Sau đó các cụ sáng kiến tìm các vật nổi như đào củ chuối, khoét tạo hình và tổ chức diễn dưới ao hồ. Sau thời kỳ đó chiến tranh loạn lạc, nên không tổ chức làm và biểu diễn nữa. Đến năm 1921 bắt đầu lại những con rối diễn trên cạn (những con rối này làm bằng rom, rạ). Và ngày nay làng nghề làm con giống Nhân Hòa vẫn phát triển song song với nghệ thuật múa rối nước nơi đây.

Sơ lược một vài nét về cách làm con giống:

Nguyên liệu: Vỏ dừa, gốc cây tre, cây ổi, rom rạ, sơ mướp, các loại củ quả, lá vụn tuế....

Dụng cụ: dao, kéo, đục...và một vài dụng cụ khác.

Đề tài: tứ linh (Long , Ly, Quy, Phượng), các con vật trong đời sống thường ngày, các con rối....

Quy trình làm con giống:

Bước 1: Chọn nguyên vật liệu

Bước 2: Sử lý nguyên vật liệu (ví dụ như rom thì phơi khô, gốc cây thì phải ngâm rồi bảo quản....)

Bước 3: Tạo dáng các nguyên vật liệu này theo hình các con vật hoặc theo một mẫu nhất định nào đó

Bước 4: Dùng dao, đục, khoét các hình này cho phù hợp, làm cho chúng trở lên đẹp hơn.

Bước 5: Trang trí, sơn mài

Bước 6: Hoàn thiện sản phẩm

Ví dụ như: Vật tứ linh là Long, Ly, Quy, Phượng.

Long: Làm bằng quả dừa, hai mắt thì làm bằng hai quả cà, hai chân ôm quả bưởi.

Phượng: Làm bằng rom đã được phơi khô, mỏ của nó thì được làm bằng hai quả ớt.

Quy: Làm bằng hai quả dứa

Ly : Làm bằng quả dừa hoặc một số loại quả khác

Nhìn chung các con giống ở đây được làm một cách khéo léo và nhìn rất đẹp mắt. Nó tái hiện lại cuộc sống hàng ngày với những con vật thân thuộc và thể hiện cả tâm linh con người ngay cả trong đó.

Con giống ở đây còn là cả các con rối. Các con rối nước là các con giống như: cáo, vịt, rồng, rắn....và các con giống trên khô thì làm từ rom rạ (long, ly, quy, phượng).

Làng nghề làm con giống Nhân hòa thực sự là một làng nghề truyền thống với những nét đẹp rất riêng của một làng nghề truyền thống nông thôn Việt Nam. Trải qua bao nhiêu khó khăn thăng trầm, làng nghề vẫn không ngừng phát triển, tô đẹp thêm cho cuộc sống.

2.2.3 Làng cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên.

Nghề trồng Cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên đã có từ bao đời nay, nghề được truyền từ đời này sang đời khác. Sự thành công có được của làng nghề ngày hôm nay là do sự đúc kết và truyền kinh nghiệm quý báu của các thế hệ. Theo ông phó chủ tịch UBND xã Cao Nhân thì nghề trồng cau có từ rất lâu,

và chắc chắn rằng làng nghề trồng cau Cao Nhân là một làng nghề truyền thống đã tồn tại hàng thế kỷ nay.

**** Kỹ thuật trồng cau:***

Kỹ thuật trồng cau Cao Nhân được đúc kết và truyền lại qua các thế hệ. Cho nên mỗi cây cau, quả cau nơi đây đều đẹp và cho rất nhiều quả. Để có một vườn cau xanh mướt, người dân Cao Nhân đã phải chắt chiu kinh nghiệm quý báu, tảo tần trong mỗi cách làm. Theo như người dân nơi đây cho biết. Kỹ thuật trồng cau không khó, cái khó là phải biết chọn giống cau. Vì vậy để làm rõ thêm cho làng nghề trồng cau. Thì sau đây là một vài kỹ thuật reo trồng cau Cao Nhân:

Bước 1: Chọn quả cau to, đã chín đỏ(Cau già)

Bước 2: Cho quả cau đó xuống đất, ươm giống lấy cây con.

Bước 3: Sau khi cau con lên cao tầm 20cm và có hai lá sẽ đưa ra luống để trồng, mật độ trồng 1m² một cây. Như vậy sau này cây cau lớn lên mới đẹp và thẳng.

Bước 4: Để cau có thể mau lớn và không bị chết ta phải chú ý chăm sóc cho cây.

Trung bình 5-6 năm cây cau sẽ cho thu hoạch. Mỗi một cây cau có thể cho ta từ 4-5 buồng cau (tùy vào từng cây), mỗi buồng từ 200 - 300 quả cau.

Về với làng cau Cao Nhân, ta như trở về với những gì gần gũi nhất, được đắm chìm trong những tán lá cây xanh, ngắm nhìn những buồng cau trĩu quả, đây thực sự là một cảm giác không phải lúc nào du khách cũng có thể cảm nhận được. Cao Nhân đang từng ngày thay đổi, kinh tế bắt đầu có những bước chuyển mình mới, đó là nhờ một phần vào làng nghề trồng cau nơi đây. Làng nghề trồng cau Cao Nhân sẽ không chỉ phát triển nhờ vào doanh thu của việc tiêu thụ cau, mà nó sẽ còn phát triển thông qua hoạt động du lịch về với làng nghề truyền thống trong mỗi tour du lịch.

2.3.4 Làng đúc ở Mỹ Đông Thủy Nguyên.

Làng đúc Mỹ Đông có truyền thống đúc gang, đúc đồng từ lâu đời. Với đôi bàn tay khéo léo, óc sáng tạo và tinh thần lao động cần cù, người Mỹ Đông đã làm ra vô số sản phẩm quý giá, góp phần làm rạng danh nhiều làng nghề tiểu thủ công nghiệp tại huyện Thủy Nguyên. Ngày nay sản phẩm đúc của Mỹ Đông đã vượt ra khỏi khuôn khổ tự cung tự cấp trong các lũy tre làng để hội nhập với thị trường và quốc tế.

Nghề đúc Mỹ Đông có cách đây hơn 200 năm, là một làng chuyên sản xuất nông cụ, dụng cụ gia đình bằng gang và nhôm. Lúc đầu chỉ là những lưỡi cày, cuốc, nôi, chảo, kiềng...thô sơ, sau mới sản xuất các mặt hàng cơ khí cao cấp.

Nguyên liệu để sản xuất:

Đối với đúc gang: Than đá, gang, các phế phẩm (có thể là nôi, chậu cũ đã bị hỏng, trở thành phế phẩm)

Đối với đúc đồng: Than gỗ đượm, than đá, đồng.

Quy trình sản xuất

Để tạo nên thành phẩm, người thợ đúc đồng phải trải qua 4 công đoạn: dựng lò và luyện đồng, đúc dát và gò sản phẩm

Dựng lò: từ những nguyên liệu có sẵn ở địa phương, người thợ gò Mỹ Đông đã dựng 2 loại lò: Lò nôi và lò chìm. Hình dạng bên trong của hai loại lò này không thay đổi. ngoài than lò ra, lò còn có một lớp đập gọi là lóc và một vòng sắt hình khuyên gọi là quay. Khoảng không gian giữa mép ngoài của lóc và quay dùng để sưởi nhiên liệu trước khi đưa vào lò, cũng là để giữ nhiệt cho lò.

Luyện đồng: Đây là khâu mà người thợ cho đồng vào nôi nấu để luyện thành sản phẩm đồng. Ở khâu này người thợ cần phải nắm được bí quyết sơ đẳng của ngành luyện kim.

Đúc dát: Là quá trình sơ chế tạo hình cho sản phẩm theo yêu cầu .

Đối với công đoạn đúc gang cũng tương tự như vậy nhưng có điều khác biệt là ở khâu dựng lò. Lò đúc gang thì được xây dựng cao hơn lò đúc đồng

Sản phẩm chủ yếu là: chảo, nồi nấu, sản phẩm hộp số, vỏ máy bơm, chân vịt tàu, cửa tàu... sản phẩm làng Đúc Mỹ Đồng không chỉ chiếm lĩnh sản phẩm thị trường trong nước mà còn tham gia xuất khẩu như: bếp nung, nắp ga, chân máy khâu....

Trên đây là một số khâu kỹ thuật chế tạo, đúc của xã Mỹ Đồng, đúc Mỹ Đồng thực sự là một làng nghề truyền thống đã tồn tại hàng trăm năm nay. Làng nghề mới chỉ phát triển ở việc tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực tiêu dùng và xuất khẩu đi các tỉnh bạn mà chưa thực sự được đưa vào khai thác dưới góc độ là một làng nghề truyền thống góp phần vào hoạt động du lịch. Mặc dù thời gian qua đã có khách du lịch nước ngoài tới thăm làng nghề cũng có khá nhiều, xong việc phát triển du lịch tại làng nghề này còn hạn chế, cũng như bao làng nghề khác, Mỹ Đồng cũng sẽ là một điểm du lịch hấp dẫn trong tuyến du lịch về với làng nghề truyền thống.

2.4 Thực trạng khai thác các làng nghề truyền thống ở Hải Phòng

2.4.1 Tình hình phát triển các làng nghề truyền thống Hải Phòng

Làng nghề truyền thống của Hải Phòng đã có từ lâu đời. Nhiều làng nghề và nghề truyền thống đã tồn tại và phát triển hàng trăm năm nay, được nêu danh trong sử sách.. Như tượng Bảo Hà, gốm sứ Minh Tân, chiếu cói Lật Dương, mây tre đan Chính Mỹ....

Theo thống kê, toàn thành phố hiện có 30 làng nghề tập trung ở 10 quận huyện. Nếu nhìn nhận các ngành và nghề truyền thống dưới phát triển tiêu thụ công nghiệp thì quy mô phát triển làng nghề còn quá nhỏ bé, mang tính tự phát.

Trước đây, thời kỳ bao cấp, nhìn chung làng nghề truyền thống phát triển mạnh mẽ, có hàng trăm hợp tác xã, tổ chuyên và bán chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thu hút một lượng lớn lao động tham gia, sản xuất ra

khối lượng lớn hàng(thảm len, chiếu cói, hàng thêu, mây tre đan) phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Từ khi thị trường truyền thống bị thu hẹp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống bị giảm sút nghiêm trọng. Phần lớn các hợp tác xã, tổ sản xuất khu vực này phải giải thể, người lao động không có việc làm, một số nghề truyền thống bị mai một.

Cơ sở sản xuất có số lượng ít, chỉ có khoảng 66 cơ sở, bằng 0,6 % so với hộ sản xuất. Trong đó sản xuất hàng kim khí là 13 cơ sở, sản xuất đồ gỗ có 9 cơ sở, vận tải 15 cơ sở, đánh bắt thủy sản xa bờ 11 cơ sở. Mô hình kinh tế tập thể (các HTX) có hầu hết ở các loại hình làng nghề nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ, bằng 32% tổng số các cơ sở.

Theo loại hình sản xuất thì nghề mây tre đan có số làng nghề và số hộ tham gia cao nhất. Huyện Thủy Nguyên là địa phương có số làng nghề và nghề truyền thống nhiều nhất so với các huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Các hộ, cá cơ sở sản xuất làng nghề có quy mô nhỏ, bình quân một hộ có từ 1 - 4 lao động thường xuyên và 1 -2 lao động thời vụ hoặc lao động phụ. Các nghề có số lao động thấp là mây tre đan, chế biến cói, chế biến nông sản thêu ren... thường chỉ có 1 lao động/hộ và có thêm lao động phụ.

Các lao động làm được chủ yếu là được truyền nghề. Các nghề mây tre đan, chế biến cói, chế biến nông sản, sinh vật cảnh hầu hết là lao động có tay nghề nhờ kinh nghiệm thực tiễn.

Do thiếu đội ngũ có tay nghề cao và nghệ nhân giỏi, trình độ mỹ thuật và kỹ thuật chưa cao nên chất lượng sản phẩm thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, sức cạnh tranh kém ngay cả hàng hóa cùng loại của các địa phương khác trong nước. Thông tin thị trường ít, chủ yếu qua tự tìm hiểu nên thị trường tiêu thụ chủ yếu trong thành phố (59%). Một số làng nghề truyền thống có xuất khẩu sản phẩm (nhưng đầu ra không có bạn hàng trực tiếp mà phải qua một số công ty như làng nghề truyền thống đúc kim loại Mỹ Đồng. Nếu như năm 1995, toàn xã mới có 10 hộ sản xuất đúc gang thì đến nay có 87 hộ làm các

nghề như: cơ khí chế tạo, nghề rèn, nghề đúc đồng và làm dịch vụ. Sản phẩm làng nghề nay lên tới vài trăm chủng loại phục vụ sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, nông nghiệp và dân dụng như: sản phẩm hộp số, vỏ máy bơm, chân vịt tàu, cửa tàu... Sản phẩm làng đúc Mỹ Đồng không chỉ chiếm lĩnh thị trường trong nước mà còn tham gia xuất khẩu như: bếp nướng, nắp ga, chân ghế, chân máy khâu. Đặc biệt các năm qua, các hộ đã huy động mọi nguồn lực đầu tư hơn 100 tỷ đồng để nâng cao chất lượng sản phẩm, nhằm tăng sức cạnh tranh. Việc xuất khẩu ủy thác qua công ty Trường Thành, tỉnh Nam Định.

Bên cạnh đó làng cau Cao Nhân trong thời gian qua cũng có những bước chuyển biến mới trong việc tiêu thụ sản phẩm. Cau Cao Nhân được tiêu thụ trong nước, tại các lễ hội, được vận chuyển đi Hà Nội, Hội An và Huế, ngoài ra còn được chế biến dưới mô hình sơ chế. Ở Cao Nhân có 1500 hộ trong đó có 100 hộ có lò sấy cau. Trong đó có 1000 lao động, trung bình mỗi lò sấy cau có vài chục người. Thu nhập bình quân của mỗi người dân trong xã từ 500-800 nghìn đồng. Khi cau đất có thể lên tới 50.000đ/1kg, và khi cau rẻ chỉ khoảng 15.000đ - 18.000đ/kg. Còn đối với cau tươi khi đất là 18.000đ - 20.000đ/kg nhưng khi rẻ thì cũng chỉ từ 2.000đ - 3.000 đ/kg.

Như vậy việc nhanh chóng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đang là yêu cầu bức thiết đối với việc duy trì hoạt động các làng nghề hiện có.

Trước đây trong các làng nghề sản xuất chủ yếu dựa vào đôi bàn tay khéo léo và óc thẩm mỹ của người thợ và sử dụng công cụ thủ công, thô sơ do chính người thợ thủ công chế tạo ra. Ngày nay dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, chính sách kinh tế mới và sức ép của thị trường... công nghệ kỹ thuật trong nông nghiệp nông thôn nói chung và các nghề nói riêng đã tiến bộ đáng kể. Điện đã được đưa vào sản xuất và gắn với nó là thực hiện cơ khí hoặc cơ khí hóa từng phần sản xuất. Tùy theo tính chất của sản phẩm và loại.

Thu nhập bình quân cho một lao động làm nghề là từ 470.000đ- 510.000đ/ tháng. Đối với thợ giỏi thu nhập từ 1triệu tới 1.200,000 đồng/ tháng.

Thu nhập cao chủ yếu tập trung vào các nghề kim khí và sản xuất đồ gỗ. Thu nhập thấp ở các làng nghề mây tre đan, thêu ren(bình quân 300.000đ/ tháng), nhưng nghề này chủ yếu thu hút lao động nông thôn.

Sự phát triển của làng nghề và nghề truyền thống thành phố Hải Phòng trong thời gian qua đã góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, giải quyết việc làm tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, làm giàu và tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới bộ mặt nông thôn. Tuy nhiên việc phát triển làng nghề truyền thống của thành phố trong những năm qua nhìn chung còn chậm chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh mà làng nghề có được.

Xuất phát từ nguyện vọng chung của đông đảo các doanh nghiệp, hợp tác xã, các làng nghề mong muốn được thành lập một tổ chức đại diện cho khu vực làng nghề truyền thống của Hải Phòng để góp phần thúc đẩy việc bảo tồn, giữ gìn và phát triển làng nghề truyền thống Hải Phòng ngày càng tốt hơn. Được sự quan tâm, hướng dẫn chỉ đạo và tạo điều kiện của UBND thành phố, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, sở công thương, liên minh hợp tác xã thành phố của hiệp hội làng nghề Việt Nam. Ngày 22/12/2008 UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành quyết định số 2215/QĐ - UBND về việc cho phép thành lập hiệp hội làng nghề Hải Phòng nhằm bảo tồn, giữ gìn và phát triển mạnh mẽ làng nghề truyền thống, có đầy đủ giá trị, kinh tế văn hóa sâu sắc.

2.4.2 Hiện trạng khai thác các làng nghề truyền thống của Hải Phòng cho hoạt động du lịch.

Làng nghề truyền thống Hải Phòng đã và đang góp phần phát triển cho hoạt động du lịch của thành phố. Hiện nay các tour du lịch đến với làng nghề nhiều hơn trước, các doanh nghiệp lữ hành đã xây dựng và tập trung khai thác các tour du lịch về với làng nghề truyền thống. Trong đó, có một số làng nghề tiêu biểu đã thu hút được nhiều khách du lịch tới thăm như: làng trồng cau Cao Nhân và làng đúc đồng xã Mỹ Đồng huyện Thủy Nguyên, làng tạc tượng Bảo Hà, làng làm con giống Nhân Hòa huyện Vĩnh Bảo... Trong đó khách du lịch

tới thăm các làng nghề chủ yếu là khách du lịch quốc tế, phần lớn là khách Châu Âu, và khách du lịch tàu biển.

Lượng khách nước ngoài đến thăm các làng nghề truyền thống nói trên chủ yếu được thực hiện bởi một số công ty du lịch của Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, trong đó nhiều nhất là công ty TNHH Hải Vệ Lữ Hà Nội, công ty du lịch Tân Hồng của TP Hồ Chí Minh và một số công ty khác. Các công ty lữ hành Hải Phòng hiện vẫn chưa khai thác trực tiếp được lượng khách Châu Âu, mà phải mua lại các tour này, nếu có trực tiếp khai thác được thì chỉ là khách Trung Quốc và Thái Lan.

Hiện nay các công ty lữ hành Hải Phòng cũng đang tập trung vào khai thác các tour du lịch " Du khảo đồng quê" và các tour tham quan ngoại thành Hải Phòng. Các tour du lịch này được kết hợp với việc đưa du khách về thăm làng nghề truyền thống của Hải Phòng. Vì vậy đây cũng là những tour du lịch thu hút được nhiều khách du lịch Châu Âu và khách du lịch tàu biển.

Trong các tour “ Du khảo đồng quê” ngoài các tour (Hải Phòng - Kiến An - Kiến Thụy - Tiên Lãng - Vĩnh Bảo) và tour du lịch nội thành thì còn có một số tour du lịch sau:

- Hải Phòng - Kiến An - Tiên Lãng - Vĩnh Bảo
- Phía Bắc Hải Phòng (Nội thành - Thủy Nguyên)
- Tuyến Nhân Hoà - Đồng Minh - Đền Trạng Trình
- Đền Nhân Mục - Đền Trạng Trình - Chùa Mét - Làng Cổ Am - Đền Quán Khái - Làng tạc tượng Bảo Hà

Các tour du lịch này đã được đưa vào khai thác, ngoài việc du khách được tham quan các giá trị văn hoá lịch sử trên địa bàn của mỗi xã, huyện thì khách du lịch còn có thể tham quan các làng nghề truyền thống, cũng như việc trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất của mỗi làng nghề, để có thể trải nghiệm với cuộc sống điền dã của người dân nơi đó. Sự kết hợp các tour du khảo đồng quê với việc tham quan các làng nghề truyền thống thực sự sẽ tạo ra sự hấp dẫn đối với

du khách. Trong các tuyến về Vĩnh Bảo, khách có thể tham quan đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, khách du lịch còn có thể kết hợp tham quan làng tạc tượng Bảo Hà ở xã Đồng Minh Huyện Vĩnh Bảo, hay làng làm con giống Nhân Hoà. Ngoài ra khi khách tham gia vào tour Hải Phòng - Thủy Nguyên cũng có thể tới tham quan làng cau Cao Nhân.

Để có thể thấy rõ hơn về thực trạng khai thác các làng nghề truyền thống cho hoạt động du lịch của Hải Phòng trong thời gian qua, một số làng nghề truyền thống như làng tạc tượng Bảo Hà, làng làm con giống Nhân Hoà, làng cau Cao Nhân đã khai thác các làng nghề truyền thống này cho hoạt động du lịch như sau:

Do sản phẩm du lịch nghèo nàn, hoạt động tiếp thị quảng cáo chưa đem lại hiệu quả cao, hơn thế nữa cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, đội ngũ lao động trong lĩnh vực du lịch còn yếu, thiếu. Nên du lịch của làng nghề điêu khắc Bảo Hà không tạo được sức hút. Khách đến làng nghề Bảo Hà hầu như không có chỗ tiêu tiền. Mức chi tiêu trung bình của khách nội địa và khách quốc tế là rất thấp. Vì vậy doanh thu từ hoạt động du lịch của làng nghề cũng chiếm một tỷ trọng khá khiêm tốn.

Doanh thu năm 2006 là 182 triệu đồng, trong đó khách du lịch quốc tế là 64 triệu, khách nội địa là 118 triệu. Nguồn doanh thu này chủ yếu là do bán một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ cho khách, ngoài ra đó còn là lệ phí tham quan, xem biểu diễn múa rối nước, thưởng thức các món ăn mang hương vị đồng quê, khi khách du lịch đến tham quan làng nghề Bảo Hà.

Năm 2007 do biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tác động mạnh hơn vào năm 2008 và 2009 nên lượng khách đến tham quan làng nghề truyền thống ít hơn. Doanh thu du lịch so với năm 2006 chỉ tăng 28,5 %. Cụ thể doanh thu lịch năm 2007 đạt 240 triệu, trong đó khách quốc tế là 82 triệu, khách nội địa là 158 triệu.

Cùng với việc khai thác làng nghề truyền thống cho hoạt động du lịch của làng nghề tạc tượng Bảo Hà nói trên, làng cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên cũng có những mức doanh thu từ hoạt động du lịch.

Làng cau Cao Nhân còn thu hút được rất nhiều khách du lịch tới thăm làng. Đặc biệt là khách Châu Âu, ngoài ra còn có khách nội địa là các tỉnh bạn.

Ở Cao Nhân còn có những ngôi nhà cột xây bằng gạch Bát Tràng, khách du lịch tới thăm lại các dụng cụ và nếp sống xưa, thưởng thức món khoai nướng và uống nước chè xanh, ngồi ngắm những vườn cau xanh rờn thẳng tắp, được tận mắt chứng kiến cảnh làm đồng, trồng cau của người dân Cao Nhân, nơi đây thực sự là điểm đến thú vị thu hút khách du lịch về với làng nghề. Theo như cán bộ UBND xã thì trung bình mỗi tháng có từ 2 -3 đoàn khách về thăm đoàn.

Còn đối với làng nghề làm con giống Nhân Hòa, hiện nay làng nghề còn lại tất cả hơn chục hộ làm con giống. Kết hợp với nghệ thuật múa rối nước của Nhân Hòa. Làng nghề đang từng bước phát triển, thu hút được khá nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế đến với làng nghề Nhân Hòa. Theo như cán bộ địa phương phòng văn hóa Nhân Hòa cho biết: Khách nước ngoài đến với làng nghề Nhân Hòa chủ yếu là khách người: Pháp, Mỹ, Hà Lan, Australia...năm 2009 trung bình 1 năm đón 2000 người. Vừa khách quốc tế, vừa khách nội địa. Nếu là đoàn khách nội địa là học sinh có khi đoàn khách đó lên tới hàng trăm người. Từ đó tạo ra một thu nhập rất là lớn cho người dân Nhân Hòa nơi đây. Mỗi màn trình diễn múa rối nước ở đây đều góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa nghệ thuật dân gian và làm tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư nơi đây.

Việc khách du lịch tới tham các các làng nghề truyền thống Hải Phòng không những góp phần cho hoạt động du lịch phát triển mà nó còn quảng bá được hình ảnh của Hải Phòng thông qua mỗi sản phẩm thủ công truyền thống. Song các sản phẩm thủ công truyền thống của Hải Phòng lại chưa bán được nhiều cho khách du lịch. Bởi mỗi sản phẩm thủ công của mỗi làng nghề vẫn

chưa mang được những nét riêng, đặc trưng của vùng miền. Trong đó là hàng mây tre đan, những hàng thủ công mỹ nghệ này hầu như còn quá đơn điệu, và hầu như giống các sản phẩm khác của các làng nghề khác trên cả nước. Ngoài ra hiện nay các sản phẩm này đã được sản xuất nhiều bằng các máy móc, công nghiệp hiện đại, giá rẻ hơn rất nhiều. Do vậy hàng thủ công mỹ nghệ của Hải Phòng dường như chưa thu hút được khách du lịch. Việc chi tiêu cho hoạt động mua sắm của khách du lịch tại mỗi làng nghề còn tương đối thấp. Khách du lịch Châu Âu và khách du lịch tàu biển là lượng khách đến thăm các làng nghề này tương đối nhiều, song việc mua các sản phẩm ở những nơi đây hầu như không có. Vì vậy việc cải tiến mẫu mã sản phẩm và tìm một hướng đi đúng cho mỗi sản phẩm nơi đây đang là một câu hỏi lớn đối với các doanh nghiệp, các cấp lãnh đạo và những người làm trong hoạt động du lịch nói chung.

**** Đánh giá chung***

- Thuận lợi:

Hải Phòng có cơ sở hạ tầng khá phát triển, và hệ thống giao thông đường bộ, đường sông, đường hàng không khá là thuận lợi, điều đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương, tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra giao thông thuận lợi cũng giúp cho việc đi lại của khách du lịch khi đến Hải Phòng và các làng nghề truyền thống được dễ dàng khi tham quan du lịch.

Làng nghề truyền thống Hải Phòng đã được hình thành và phát triển lâu đời, vì vậy mỗi sản phẩm của làng nghề truyền thống đều chứa đựng trong đó những yếu tố văn hoá, mang những nét rất riêng của vùng miền. Điều đó cũng tạo nên được sự hấp dẫn cho du khách khi lựa chọn mua những sản phẩm của các làng nghề truyền thống đó.

Lực lượng lao động nông thôn đông đảo. Lực lượng nghệ nhân và thợ giỏi trong các làng nghề còn khá nhiều. Ngoài ra họ còn là nguồn nhân lực trực tiếp phục vụ cho hoạt động du lịch tại mỗi làng nghề, chính họ là người sản xuất ra

các sản phẩm và là người thuyết minh cho các sản phẩm tại các làng nghề.

Nguồn nhiên liệu cung cấp cho việc sản xuất các mặt hàng của làng nghề luôn được đáp ứng kịp thời, do vậy chủ động được nguồn nhiên liệu cho hoạt động sản xuất, đây cũng là những thuận lợi có được của làng nghề truyền thống trên địa bàn Hải Phòng.

Bên cạnh đó, được sự quan tâm của các cấp các ngành trong việc trong việc đầu tư, cấp vốn cho hoạt động sản xuất của các làng nghề truyền thống, thời gian qua cũng đã có nhiều làng nghề truyền thống được khôi phục, phát triển. Tạo công ăn việc làm và tăng thêm thu nhập cho người dân. Không chỉ vậy, Đảng còn có những chủ trương khuyến khích các ngành và sở du lịch Hải Phòng đầu tư tôn tạo đưa các làng nghề truyền thống vào hoạt động du lịch, nhằm góp phần bảo tồn làng nghề và đem lại lợi ích lớn về kinh tế nông thôn tại mỗi làng nghề.

Bên cạnh những thuận lợi mà làng nghề truyền thống Hải Phòng có được thì vẫn còn có những khó khăn và hạn chế.

Khó khăn:

Hiện nay khách du lịch tàu biển đến Hải Phòng chưa có cảng riêng để cập bến mà phải cập bến ở cảng hàng hóa. Cho nên rất mất vệ sinh. Khách du lịch quốc tế rất muốn đến Hải Phòng nhưng lại không có cảng riêng để cập bến. Khách phải đến cảng Cái Lân Quảng ninh để cập bến. Có những khách du lịch phải cập cảng ở Cái Lân, Quảng Ninh, Phà Rừng để đến với làng cau Cao Nhân.

Các làng nghề truyền thống không tự quảng bá được hình ảnh làng nghề truyền thống của mình. Bên cạnh đó khi các hiệp hội du lịch Hải Phòng, Sở Du Lịch có những chương trình quảng bá xúc tiến, chỉ mời các nhà báo, phóng viên mà không mời các doanh nghiệp lữ hành quốc tế, Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh tham dự để giới thiệu các sản phẩm mới. Trong đó có làng nghề.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề truyền thống chưa được mở rộng, mới tập trung tiêu thụ ở nông thôn, và thị trường trong nước.

Vốn sản xuất kinh doanh của các hộ còn ít ỏi, mặc dù đã được hỗ trợ từ nhà nước thông qua hình thức cho vay vốn với lãi suất ít, cùng với những kinh phí đã được hỗ trợ từ địa phương. Song nguồn kinh phí đó chưa đủ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều đó cũng là yếu tố làm cho các sản phẩm không được đa dạng hoá, không tạo được sự hấp dẫn đối với khách du lịch.

Đó là những khó khăn chung trong việc phát triển làng nghề truyền thống của Hải Phòng. Ngoài ra để phát triển làng nghề truyền thống đối với hoạt động du lịch thì ngành du lịch Hải Phòng cũng đã gặp không ít những khó khăn. Trong đó phải nói đến:

Do bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong thời gian qua, du lịch Hải Phòng cũng đã gặp phải không ít những khó khăn. Điều đó đã làm giảm đáng kể cho lượng khách du lịch tới Hải Phòng.

Hạn chế:

Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề truyền thống còn chưa rõ ràng, sản xuất mang tính chất tự phát là chủ yếu, còn nhỏ lẻ manh mún dẫn đến hạn chế sức cạnh tranh của các làng nghề, làng nghề phát triển thiếu tính ổn định. Các làng nghề cũng không được quy hoạch tập trung mà là phân bố trên các địa phương khác nhau, điều đó làm cho việc tham quan du lịch ở mỗi làng nghề còn rất hạn chế, do việc đi lại tham quan không thuận tiện khi mà làng nghề không tập trung ở một điểm du lịch nào.

Trình độ kỹ thuật của các làng nghề còn thấp và chậm được cải tiến, chủ yếu là thủ công, sản phẩm tuy có giá trị thẩm mỹ cao nhưng năng xuất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh với sản phẩm cùng loại từ sản xuất công nghiệp. Qua hàng chục năm thiếu sự quan tâm nên các làng nghề bị mai một dần, thợ giỏi, thợ có tay nghề bỏ nghề nhiều.

Sản phẩm của làng nghề chỉ mang tính chất là tiêu dùng cho đời sống hàng ngày. Chưa sản xuất được ra các mặt hàng thủ công mỹ nghệ để bán cho khách du lịch để làm hàng lưu niệm hoặc dùng trang trí.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là tại nông thôn, nhưng mức sống ở khu vực này còn thấp. Đối với khu vực thành thị và các tỉnh khác sản phẩm làng nghề cạnh tranh gay gắt với sản phẩm cùng loại từ công nghiệp. Đối với thị trường xuất khẩu, có thời gian dài chúng ta xuất khẩu sang thị trường Đông Âu và Liên Xô(cũ), hàng TCMN của ta được ưu tiên nên chất lượng sản phẩm thấp, hoặc làm gia công theo đơn đặt hàng nên thợ thủ công không phát huy hết được sở trường và lý thuật của mình. Đặc biệt trong phát triển hoạt động du lịch, khi khách tới thăm các làng nghề truyền thống thì việc khách mua các sản phẩm này còn rất ít, chính bởi vì chúng không có đặc trưng riêng của từng vùng miền khi khách du lịch đến.

Tình hình triển khai quy hoạch trong lĩnh vực du lịch còn chậm, đặc biệt là thành phố còn chưa có biện pháp hữu hiệu quản lý thành phần kinh tế tư nhân(chủ yếu là hộ gia đình) đầu tư theo quy hoạch, nhất là tại các trọng điểm du lịch. Cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, thiếu dịch vụ hỗ trợ, khuôn viên cây xanh, và không có hệ thống xử lý chất thải...ti lệ các dự án hoàn thành và đi vào hoạt động thực tiễn còn thấp. Các dự án đầu tư mới đang có xu hướng chững lại, đặc biệt là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

Phương tiện vận chuyển khách du lịch chất lượng không đồng bộ: Sân bay Cát Bi chưa được nâng cấp theo tiêu chuẩn quốc tế, chưa có bến tàu du lịch, tàu khách quốc tế phải cập bến chung với tàu hàng làm ảnh hưởng tới tâm lý cũng như chất lượng phục vụ khách du lịch.

Ngoài ra các doanh nghiệp lữ hành Hải Phòng chưa khai thác trực tiếp được khách Châu Âu phải mua lại các tour khách từ Hà Nội.

Sản phẩm du lịch đặc thù, đặc biệt là các sản phẩm du lịch văn hóa mang tính đặc trưng của Hải Phòng cũng như các dịch vụ vui chơi giải trí còn nghèo

này, nhiều điểm tham quan du lịch còn xuống cấp, chưa được tu bổ thường xuyên, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch.

Các doanh nghiệp lữ hành Hải Phòng chưa đủ mạnh, năng lực cạnh tranh yếu, chưa đủ sức vươn tới thị trường Tây Âu, Đông Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... khách có khả năng thanh toán cao chỉ chiếm 25 - 30 % trong tổng số khách quốc tế. Đội ngũ hướng dẫn viên còn thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ. Thuyết minh điểm mới bắt đầu vào đào tạo, chưa phát huy tốt tác nghiệp vụ làm việc thực tế, tuyến bay quốc tế Hồng Kong/ Ma Cao - Hải Phòng là tuyến du lịch hàng không đầu tiên trực tiếp đón khách quốc tế của thành phố, nhưng cũng chỉ duy trì được hơn 1 năm.

Mối liên kết phát triển giữa các làng nghề truyền thống và doanh nghiệp, các công ty lữ hành hầu như còn hạn chế. Mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất với hộ, hộ với hộ trong làng nhìn chung mang tính cục bộ, mới chỉ ở mức độ tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn, chưa có sự hợp tác thống nhất bảo vệ lẫn nhau, cải tiến mẫu mã sản phẩm, cải tiến công nghệ sản xuất... mối liên kết giữa người cung cấp nguyên vật liệu - người sản xuất - người tiêu thụ chưa chặt chẽ và hiệu quả thấp

Hoạt động quảng bá du lịch chưa sâu rộng, chất lượng thấp, hình thức quảng cáo chưa phong phú.

Lao động quản lý, lao động nghề tại cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên, nhất là thuyết minh viên điểm chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Tại các trọng điểm du lịch còn nhiều quán lán chiếm vỉa hè, lòng đường. tình trạng chèo kéo khách còn khá phổ biến.

Những mặt thành công:

Bước đầu đã có khách du lịch đến tham quan một số làng nghề truyền thống như: làng tạc tượng Bảo Hà, làng con giống Nhân Hoà Vĩnh Bảo và làng đúc đồng ở xã Mỹ Đông, làng cau Cao Nhân huyện Thủy Nguyên. Mặc dù sở

Du lịch chưa xây dựng chương trình tour du lịch, nhưng các doanh nghiệp lữ hành cũng đã khai thác và đưa vào tour du lịch năm 2001 - 2002.

Làng nghề truyền thống dần được khôi phục, lượng tiêu thụ tăng lên, và ngày được nhiều người biết đến các làng nghề này hơn.

Nguyên nhân

Nguyên nhân có nhiều, song nguyên nhân chủ quan là chính: trước hết là sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quyết tâm ưu tiên, khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, trong đó là việc ưu tiên phát triển làng nghề truyền thống và đưa làng nghề truyền thống vào khai thác cho hoạt động du lịch. Thành phố chưa có giải pháp hỗ trợ thiết thực mang tính đột phá để du lịch phát triển. Các cấp, các ngành và phần lớn nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của du lịch làng nghề. Nhiều hộ kinh doanh và người dân ở các trung tâm du lịch chưa ý thức được đầy đủ trách nhiệm của mình về môi trường cũng như văn hóa du lịch.

Công tác quy hoạch các làng nghề truyền thống chưa được triển khai đồng thời công tác quy hoạch chưa lấy yêu cầu phát triển du lịch bền vững làm tiêu chí cho nhiệm vụ quy hoạch tại các trọng điểm du lịch. Môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn, thời gian phê duyệt dự án còn dài, giải phóng mặt bằng khó khăn và chậm, chưa có hỗ trợ thích đáng cho các loại hình du lịch phục vụ cộng đồng xã hội có hiệu quả thấp như vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, có sự bất cập giữa cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư.

Cơ sở đào tạo tuy nhiều nhưng chất lượng chưa cao. Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước còn hạn chế, chưa sáng tạo. Trình độ chuyên môn của lao động du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Thiếu thuyết minh viên hướng dẫn tại các làng nghề truyền thống, hầu như còn chưa có.

Kỷ cương trong quản lý kinh doanh chưa bắt kịp với quá trình xã hội hóa ngày càng cao về du lịch. Tính tự giác, ý thức chấp hành pháp luật của nhiều

doanh nghiệp kinh doanh du lịch còn yếu kém. Công tác hậu kiểm của cơ quan cấp đăng ký kinh doanh chưa thực hiện được. Sự phối kết hợp giữa địa phương có trọng điểm du lịch và các ngành hữu quan chưa tốt, chưa có được sự hỗ trợ chung của xã hội.

Chương III:

Một số giải pháp để khai thác làng nghề truyền thống cho phát triển du lịch.

3.1 Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế diễn ra ngày càng sâu rộng, cùng với những áp lực thực hiện lộ trình AFTA, hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và việc tham gia tổ chức WTO. Trước những yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế 10 năm (2010 - 2010) đã góp phần thực hiện thành công nghị quyết Đại Hội VIII Đảng bộ thành phố. Phương hướng phát triển du lịch Hải Phòng trong những năm tới là khai thác tối đa các nguồn tiềm năng, lợi thế của thành phố về cảnh quan tự nhiên tài nguyên nhân văn, đảm bảo môi trường sinh thái, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch, thu hút đầu tư,

tăng nhanh tỷ trọng du lịch trong GDP của thành phố, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đặc thù văn hóa địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp các ngành và toàn dân để phát triển du lịch góp phần thúc đẩy sự phát triển nhanh của cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

UBND thành phố Hải Phòng đã đưa ra những chính sách khuyến khích phát triển du lịch và thu hút đầu tư vào xây dựng khu du lịch để du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của Hải Phòng. Đồng thời thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển

Chỉ tiêu phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2010 - 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		
		2010	2015	2020
1 Tổng lượng khách	1000LK			
Khách quốc tế	1000LK	4250	4600	6000
Khách nội địa	1000LK	1120	1700	2400
2 Tổng doanh thu	Triệu USD	3130	2900	3600
3 Lao động	Nghìn người	527,5	1186,5	2364,0

trực tiếp				
4 Vốn đầu tư du lịch	Triệu USD	21,76	33,60	52,90
5 GDP ngành/ GDPTP	%	9,2	12,8	17,9

Ngành du lịch Hải Phòng đang hết sức cố gắng nỗ lực để năm 2010 có thể đạt được GDP ngành/GDPTP là 9,2 %, và năm 2015 là 12,8 %, 2020 là 17,9 %. Với những mục tiêu đặt ra như vậy ngành du lịch Hải Phòng đang hết sức cố gắng thúc đẩy ngành du lịch phát triển, vì phát triển du lịch là hướng đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu thành phố.

Xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng đủ sức cạnh tranh trong khu vực và trên trường quốc tế, tăng cường công tác quản lý bảo tồn, quảng bá và phát huy tiềm năng của các trọng điểm du lịch. Tìm và khai thác các dạng tiềm năng du lịch mới. Đưa làng nghề và lễ hội trở thành những tour du lịch văn hoá mang đậm đà bản sắc của địa phương từng vùng miền

Với mục tiêu trên, định hướng phát triển du lịch Hải Phòng đến năm 2020 là đưa Hải Phòng trở thành trọng điểm du lịch của quốc gia trong đó có các khu du lịch mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Phấn đấu đạt kế hoạch so với lộ trình chung của cả nước, xứng đáng là địa bàn mang tính động lực thúc đẩy sự phát triển du lịch của vùng Bắc Bộ và của cả nước.

3.2 Một số giải pháp nhằm khai thác làng nghề truyền thống cho hoạt động du lịch của Hải Phòng.

3.2.1 Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống của Hải Phòng

Tuy nhiên không phải hầu hết các làng nghề thủ công truyền thống Hải Phòng đều có những cơ hội thuận lợi, các làng nghề cũng đứng trước những nguy cơ như các làng nghề thủ công khác trên cả nước: đang bị mai một dần.

Do sự đơn điệu, thiếu tính hiện đại và sáng tạo về mẫu mã dẫn đến khó khăn cho đầu ra của sản phẩm, đây cũng là một thực trạng khó khăn chung của các làng nghề thủ công truyền thống trên địa bàn Hải Phòng hiện nay. Với những thực tế đó, để bảo tồn và phát triển được các làng nghề, cần có những biện pháp cụ thể như:

Các cấp chính quyền thành phố, các hiệp hội làng nghề, sở du lịch Hải Phòng cần quan tâm đúng mức đến các nghệ nhân lớn tuổi có tâm huyết với nghề. Chính họ là những người “giữ lửa” cho làng nghề, vì bản thân họ là một kho tàng sống về sự nhiệt thành, lòng tâm huyết, và cả những ngón nghề cuối cùng mà họ còn giữ lại để truyền dạy cho các thế hệ tiếp nối.

Hỗ trợ bằng các chính sách cụ thể đối với các địa phương, để thu hút những người có tài và có tâm huyết nhằm khôi phục và phát triển làng nghề. Mở các lớp đào tạo để thu hút giới trẻ quay lại với nghề, và đồng thời tạo công ăn việc làm, tạo niềm tin cho họ có thể sống được bằng những nghề thủ công truyền thống cha ông để lại.

Mỗi làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng cần phải đa dạng hóa sản phẩm, hướng vào hàng thủ công mỹ nghệ để bán cho khách du lịch. Xu hướng của khách du lịch hiện nay là muốn chọn mua một sản phẩm đẹp, có tính thẩm mỹ cao, phải gọn nhẹ, tiện lợi, dễ vận chuyển, đồng thời sản phẩm đó chứa cả bản sắc văn hóa của cả một vùng miền, lưu dấu nơi mà họ từng đặt chân đến.

3.2.2 Tăng cường sự hợp tác giữa các đơn vị kinh doanh lữ hành với các làng nghề truyền thống.

Các doanh nghiệp lữ hành tại Hải Phòng cần phải nhanh chóng có sự hợp tác với các xã, phường có làng nghề truyền thống để đưa du khách vào thăm quan các làng nghề. Có thể kết hợp các chương trình du lịch lễ hội, du lịch sinh thái, thăm quan nghỉ dưỡng cùng với việc tham quan các làng nghề truyền

thông. Điều đó có thể tạo nên sự mới mẻ cho các tour du lịch. Đặc biệt đối với thị trường khách du lịch nước ngoài.

Doanh nghiệp lữ hành cần xây dựng chương trình cụ thể về việc giới thiệu và thăm quan làng nghề. Phải có những chính sách ưu tiên phát triển làng nghề. Các doanh nghiệp lữ hành nên trích lại một phần lợi nhuận để góp phần đầu tư khôi phục, bảo vệ tài nguyên môi trường tại mỗi làng nghề. Từ đó có thể bảo tồn và góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa làng nghề ngày một tốt hơn.

Sự tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp lữ hành còn được thể hiện ở việc tạo điều kiện tối đa về an ninh, trật tự của các xã phường có làng nghề truyền thống khi mà du khách đến thăm quan.

3.2.3 Đẩy mạnh quảng bá xúc tiến đối với các làng nghề truyền thống.

Các địa phương có làng nghề truyền thống cùng với sở du lịch không chỉ chú trọng phát hành sách, báo, phim giới thiệu hình ảnh về các làng nghề truyền thống của Hải Phòng mà công tác quảng bá sẽ tập trung vào việc bằng quảng cáo tầm lớn tại các nút giao thông, biển chỉ dẫn tại các điểm du lịch hoặc tại các thành phố lớn để hướng dẫn cho du khách.

Công tác xúc tiến cũng tập trung qua các hội chợ của thành phố và trong cả nước. Các cấp lãnh đạo và thành phố tổ chức các hội chợ nhằm quảng bá và giới thiệu các sản phẩm thủ công truyền thống trên địa bàn Hải Phòng. Đây cũng là một việc làm thiết thực có thể đem đến các hình ảnh về làng nghề thông qua các sản phẩm tới khách du lịch và người tiêu dùng. Khi tổ chức hội trợ và hội thảo về làng nghề truyền thống, không nên chỉ mời phóng viên nhà báo mà các cần phải mời cả các doanh nghiệp lữ hành quốc tế, những nghệ nhân của làng nghề, tham gia vào hội trợ, hội thảo, từ đó cũng có thể giúp cho việc quảng bá hình về mỗi làng nghề đó được tốt hơn.

Cần chú ý đến việc xây dựng những sản phẩm tại mỗi làng nghề, dịch vụ đặc thù để phục vụ khách hàng tốt hơn cũng như để đóng góp nhiều hơn vào cộng

đồng, phát huy nguồn lực du lịch tại địa phương như: đưa ra chương trình tặng quà là mỗi sản phẩm tại mỗi làng nghề cho khách du lịch nước, xây dựng thương hiệu du lịch cao cấp.

3.2.4 Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống trong hoạt động du lịch

Đối với công tác quản lý nhà nước, trước hết, trên cơ sở quy hoạch, tập trung các nguồn lực đẩy mạnh đầu tư có trọng điểm về kết cấu hạ tầng; xây dựng và triển khai thực hiện các dự án khuyến công gắn với các làng nghề phải mang tính khả thi cao, thiết thực, không đầu tư tràn lan, dàn trải, tránh lãng phí và chậm phát huy hiệu quả. Xây dựng các chính sách phù hợp với pháp luật Việt Nam, đồng thời phù hợp với các thông lệ quốc tế, bảo đảm tính minh bạch, ổn định và nguồn lực để thực hiện chính sách.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; thu hút nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, nâng cao tính chuyên nghiệp và tinh thần phục vụ của các cơ quan nhà nước của tỉnh; tạo điều kiện, môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, lành mạnh. Đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng công nghệ thông tin. Tăng cường quan hệ hợp tác, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, thu hút đầu tư cả chiều sâu và trên diện rộng đối với làng nghề nói riêng và ngành công nghiệp nói chung. Chú trọng ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có kỹ thuật công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị tăng thêm đối với sản phẩm công nghiệp; đồng thời, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống kết tinh trong sản phẩm thủ công, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa với kỹ năng tay nghề, sản phẩm tinh xảo, tiến tới xuất khẩu.

Xây dựng hệ thống thông tin về làng nghề; chương trình phát triển toàn diện theo từng nhóm sản phẩm; chương trình bảo tồn giá trị truyền thống của sản phẩm làng nghề; xây dựng hệ thống phát triển mẫu mã sản phẩm, các dự án phát triển sản phẩm, đặc biệt chú trọng những nghề truyền thống của người dân

tộc thiểu số; chương trình xây dựng hạ tầng và cải thiện cảnh quan môi trường làng nghề; chương trình phát triển doanh nghiệp làng nghề

Đối với cơ sở sản xuất, cần quan tâm đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng trên cơ sở lựa chọn những ngành hàng, những sản phẩm có khả năng cạnh tranh nhằm phát huy mọi tiềm năng. Đổi mới cung cách quản lý tiên tiến, cùng với các giải pháp cần thiết để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện có hiệu quả chương trình thương mại điện tử. Có chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp và các cơ sở làng nghề. Luôn chủ động cập nhật thông tin và nắm chắc về cơ chế chính sách của Nhà nước, những quy định của WTO và các thông lệ quốc tế, thông tin về thị trường để tránh rủi ro, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phát sinh nhằm duy trì sự phát triển ổn định. Tăng cường liên doanh, liên kết, hợp tác nhằm thu hút vốn đầu tư lớn, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại, phương pháp và kinh nghiệm quản lý của các đối tác đầu tư ngoài nước. Chủ động và gia tăng sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp với nhau thông qua từng hiệp hội ngành nghề để nâng cao tiềm lực, sức cạnh tranh và bảo vệ sự phát triển ổn định.

Thực hiện đồng bộ các chương trình: khôi phục sản phẩm truyền thống và nâng cao giá trị truyền thống; phát triển sản phẩm mới; nâng cao chất lượng sản phẩm; đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm; đào tạo, tập huấn nghề thu hút lực lượng lao động ở nông thôn; nâng cao hàm lượng kỹ thuật công nghệ trong sản phẩm, bảo đảm chất lượng, giá trị sử dụng, giá thành hợp lý đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng. Xây dựng và phát triển thương hiệu, thực hiện tốt chiến lược tiếp thị, quảng bá sản phẩm, tạo sự tin tưởng và ấn tượng tốt đẹp trong lòng khách hàng nhằm nâng cao uy tín phát triển thị trường.

3.3 Kiến nghị

3.3.1 Đối với Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch

Đề nghị Bộ Kế hoạch đầu tư và Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, bố trí kế hoạch vốn chương trình hành động Quốc Gia về du lịch, ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch tại các điểm du lịch là làng nghề truyền thống.

Đề nghị Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch xem xét và xác định để đưa một số làng nghề truyền thống của Hải Phòng vào khai thác và quảng bá cho du lịch. Đề nghị chương trình quảng bá đưa vào chương trình quảng bá Quốc Gia.

3.3.2 Đối với thành phố Hải Phòng

Đề nghị thành phố Hải Phòng đẩy nhanh thời gian phê duyệt các dự án phát triển du lịch, đặc biệt là các dự án có tầm cỡ chiến lược quan trọng.

Thành phố cũng nên sớm bố trí nguồn kinh phí để triển khai xây dựng các dự án về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật tại một số điểm tham quan chính tại các làng nghề truyền thống điển hình của Hải Phòng.

Bên cạnh đó cần phải có sự giám sát chặt chẽ hơn trong việc thực thi các dự án về việc xây dựng cơ sở vật chất.

Thành phố sớm có kế hoạch khôi phục các làng nghề truyền thống và công nhận "nghệ nhân" để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hỗ trợ phát triển du lịch. Giải quyết triệt để việc trèo kéo khách du lịch, vấn đề giác thái, vệ sinh môi trường, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan tại các khu du lịch nói chung

3.3.3 Đối với địa phương.

Đối với các địa phương có nghề truyền thống đã, đang hoặc sẽ có nguy cơ bị mai một, cần nhanh chóng có kế hoạch bảo tồn, lưu giữ những nét văn hoá truyền thống tồn tại trong sản phẩm, bí quyết làm nghề, đồng thời phải chú trọng đến việc thiết kế nên những sản phẩm mới phù hợp với thị trường tiêu thụ hiện đại, dựa trên các nét văn hoá, chất liệu hoặc công nghệ sản xuất truyền thống nhằm nâng cao khả năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, làm sống lại sự phồn

thịnh vốn có của các địa phương này.

Có kế hoạch duy trì, phát triển nghề truyền thống theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Đi đôi với công nghệ và thiết bị, cần có kế hoạch tổ chức các lớp tuyên truyền nghề cho thanh thiếu niên, bảo tồn và giữ gìn các bảo vật nghề truyền thống như các mẫu hoa văn trên chiếu, chạm khắc của Bảo Hà... cần đặc biệt chú trọng phát huy tài năng và uy tín của các nghệ nhân làng nghề.

Cần coi trọng và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể nhân dân ở nông thôn cùng với củng cố và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các hiệp hội nghề, làng nghề trong xây dựng và phát triển các làng nghề truyền thống.

IV Kết luận

Làng nghề truyền thống Hải Phòng đã và đang góp phần vào sự phát triển của ngành du lịch nói chung. Trải qua bao nhiêu thăng trầm, mỗi một làng nghề truyền thống vẫn giữ vững những nét văn hóa truyền thống độc đáo, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

Cũng giống như bao làng nghề khác trong cả nước, làng nghề truyền thống Hải Phòng cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, sự mai một của làng nghề, sự tồn đọng thiếu vốn về mặt kinh tế, sự yếu kém của cán bộ trong công tác phát triển làng nghề. Song không phải vì thế mà làng nghề truyền thống Hải Phòng bị mất đi những giá trị đích thực của nó.

Với những yếu tố văn hóa lịch sử chứa đựng trong mỗi sản phẩm, ngày nay du lịch về với làng nghề đã trở thành điểm đến lý tưởng cho mỗi chuyến đi du lịch về với đồng quê, du lịch văn hóa. Song để du lịch trở thành một phương tiện giúp cho làng nghề truyền thống phát triển, thì đó còn là một câu hỏi lớn đối với những nhà làm du lịch, kinh doanh lữ hành. Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống sẽ mãi là câu hỏi lớn cho những người yêu quê hương, muốn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- 2 Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, nhà xuất bản giáo dục.
- 3 Võ Thị Thắng, Non Nước Việt Nam, xuất bản 2007
- 4 Luật du lịch, nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội năm 2005
- 5 Bùi Thị Hải Yến, tuyển điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục
- 6 Bùi Thị Hải Yến, tài nguyên du lịch, NXB Giáo dục.
- 7 Bùi Thị Hải Yến, Quy hoạch du lịch, NXB Giáo dục.
- 8 Trần Đức Thanh, Nhập Môn Khoa Học Du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
- 9 Nguyễn Hải Kế, tìm hiểu thêm nghề tạc tượng Linh Động - Vĩnh Bảo, Tạp Chí Nghiên cứu lịch sử Hải Phòng
- 10 Lương Cao Rĩnh, Điêu Khắc Bảo Hà, Vĩnh Bảo 40 năm, xí nghiệp in TTXVN Hà Nội, 1985
- 11 Luật du lịch năm 2005, NXB Tư Pháp
- 12 UBND. TP Hải Phòng - Sở Du lịch Hải Phòng - Báo Cáo sơ kết 3 năm thực hiện nghị quyết số 09 - NQ/ TU về phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006-2010, định hướng năm 2020
- 13 Phạm Trung Lương, Tài Nguyên và môi trường du lịch Việt Nam, NXB Giáo Dục.
- 14 Hội Đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng, Đại Chí Hải Phòng (T1), 1990
- 15 Tạ Duy Trinh, Du Lịch Hải Phòng(Guide book), NXB Hải Phòng, 2001